BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀ LẠT

BÁO CÁO TỔNG KẾT

ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CỦA SINH VIÊN

THỰC TRẠNG VÀ BIỆN PHÁP GIÁO DỤC GIỚI TÍNH CHO HỌC SINH THPT TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT

Thuộc nhóm ngành khoa học: Khoa học giáo dục

Đà Lạt, 05/2022

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀ LẠT

BÁO CÁO TỔNG KẾT

ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CỦA SINH VIÊN

THỰC TRẠNG VÀ BIỆN PHÁP GIÁO DỤC GIỚI TÍNH CHO HỌC SINH THPT TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT

Thuộc nhóm ngành khoa học: Khoa học giáo dục

Sinh viên thực hiện: HOÀNG QUỲNH MAI Nam, Nữ: Nữ
Dân tộc: Kinh
Lớp, khoa: AVK44SPA, Khoa sư phạm Năm thứ: 02 /Số năm đào tạo: 04
Ngành học: Sư phạm tiếng Anh

Người hướng dẫn: ThS. Phan Kiều Thuận

Đà Lạt, 05/2022

MỤC LỤC

Trang

DANH MỤC BẢNG BIỂU i

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT ii

PHẦN MỞ ĐẦU 1

1. Tính cấp thiết của vấn đề nghiên cứu 1

2. Mục đích nghiên cứu 2

3. Nhiệm vụ nghiên cứu 2

4. Đối tượng, khách thể và phạm vi nghiên cứu 3

5. Giả thuyết nghiên cứu 3

6. Phương pháp nghiên cứu 4

7. Ý nghĩa của đề tài 4

8. Bố cục của đề tài 4

PHẦN NỘI DUNG 6

Chương 1. CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ GIÁO DỤC GIỚI TÍNH CHO HỌC SINH THPT 6

1.1 Tổng quan các công trình nghiên cứu liên quan đến giáo dục giới tính cho học sinh THPT. 6

1.1.1 Các nghiên cứu ở nước ngoài 6

1.1.2. Các nghiên cứu ở Việt Nam 9

1.2. Một số khái niệm cơ bản của đề tài 12

1.2.1. Khái niệm giới 12

1.2.2. Giới tính 13

1.2.3. Giáo dục giới tính 14

1.3. Tầm quan trọng của giáo dục giới tính cho học sinh THPT 14

1.4. Nhiệm vụ của giáo dục giới tính ở trường THPT 16

1.5. Những yêu cầu cơ bản của giáo dục giới tính 18

1.5.1. Yếu tố toàn diện 18

1.5.2. Yếu tố phù hợp với lứa tuổi.....18

1.5.3. Yếu tố liên tục 18

1.6. Những nguyên tắc trong giáo dục giới tính 19

1.7. Đặc điểm tâm sinh lý học sinh bậc THPT.....20

Chương 2: THỰC TRẠNG VÀ BIỆN PHÁP GIÁO DỤC GIỚI TÍNH CHO HỌC SINH THPT TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT 23

2.1. Cách thức tiến hành khảo sát.....23

2.1.1. Giai đoạn 1: Nghiên cứu lý luận 23

2.1.2. Giai đoạn 2: Khảo sát chính thức.....23

2.2. Kết quả khảo sát.....26

2.2.1. Thực trạng giáo dục giới tính cho học sinh ở các trường THPT trên địa bàn thành phố Đà Lạt 26

2.2.2. Kiến thức và thái độ của học sinh đối với các vấn đề liên quan đến giới tính: 33

2.2.3. Nhu cầu tổ chức hoạt động giáo dục giới tính cho học sinh THPT trên địa bàn thành phố Đà Lạt 38

2.3. Một số biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục giới tính cho học sinh trên địa bàn thành phố Đà Lạt. 42

PHẦN KẾT LUẬN 46

TÀI LIỆU THAM KHẢO.....48

PHỤ LỤC iii

Phụ lục 1. Phiếu khảo sát học sinh. iii

Phụ lục 2. Phiếu khảo sát giáo viên ix

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Trang

Bảng 1. Số lượng học sinh tham gia khảo sát 24
Bảng 2. Thời điểm tổ chức hoạt động giáo dục giới tính 26
Bảng 3. Đánh giá của học sinh về chất lượng nội dung chương trình giáo dục giới tính 27
Bảng 4. Đánh giá của thầy cô về chất lượng nội dung chương trình giáo dục giới tính 29
Bảng 5. Hình thức giáo dục giới tính học sinh được học 30
Bảng 6. Hình thức giáo dục giới tính thầy cô sử dụng 30
Bảng 7. Khó khăn trong việc thực hiện hoạt động GDGT tại trường THPT 32
Bảng 8. Đánh giá kiến thức của học sinh về quan hệ tình dục an toàn 34
Bảng 9. Đánh giá kiến thức của học sinh về vấn đề mang thai ngoài ý muốn 35
Bảng 10. Thái độ của học sinh về các vấn đề liên quan đến giới tính 36
Bảng 11. Nội dung nên được đề cập đến trong nội dung giảng dạy theo giáo viên 41

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

STT	Ký hiệu chữ viết tắt	Chữ viết đầy đủ
1	GDGT	Giáo dục giới tính
2	GDCD	Giáo dục công dân
3	PTTH	Phổ thông trung học
4	SKSS	Sức khỏe sinh sản
5	THCS	Trung học cơ sở
6	THPT	Trung học phổ thông
7	UNESCO	Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa Liên Hợp Quốc
8	WHO	Tổ chức Y tế Thế giới

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của vấn đề nghiên cứu

Xã hội ngày càng đổi mới, phát triển không ngừng; điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con cái theo đó cũng được cải thiện, nâng cao. Với nguồn dưỡng chất đầy đủ kết hợp cùng việc thực hiện các hoạt động rèn luyện trí tuệ và thể lực, trẻ em hiện nay phát triển nhanh về cả thể chất, tâm sinh lý và tinh thần. Trẻ bắt đầu tò mò nhiều hơn về những vấn đề liên quan tới tình cảm, cảm xúc, cơ thể của bản thân hay những người khác giới.

Trong thời đại công nghệ 4.0, sự bùng nổ thông tin ảnh hưởng rất lớn tới suy nghĩ và hành vi của trẻ vị thành niên. Khi nhu cầu tìm hiểu về các vấn đề giới tính của trẻ không được đáp ứng do sự thiếu sót trong việc giáo dục giới tính từ gia đình và nhà trường, trẻ sẽ tìm đến những nguồn thông tin khác như sách, báo, tạp chí hay xem các nội dung trên mạng Internet. Tuy nhiên, lượng thông tin khổng lồ và không được kiểm soát sẽ dễ làm sai lệch hành vi, nhận thức của trẻ. Bên cạnh đó, rất nhiều đối tượng đã lợi dụng mạng Internet và các phương tiện truyền thông xã hội để thực hiện các hoạt động lừa gạt, lợi dụng trẻ vị thành niên. Chúng sử dụng các thủ đoạn hết sức tinh vi để dụ dỗ, đưa các em vào những tình huống dễ bị tổn thương tới thể xác và tinh thần.

Hiện nay, ở nước ta, tình trạng nạo phá thai ở trẻ vị thành niên ngày càng gia tăng và đang ở mức đáng báo động. Theo thống kê năm 2019 của Vụ Sức khỏe bà mẹ trẻ em (Bộ Y tế), trung bình mỗi năm cả nước có khoảng 300 đến 400 ngàn ca phá thai ở độ tuổi 15 đến 19 được báo cáo chính thức, trong đó 60 đến 70% là học sinh, sinh viên. Theo Tổng cục Dân số, mặc dù tỷ lệ phá thai ở Việt Nam trong 10 năm trở lại đây có xu hướng giảm nhưng tỷ lệ nạo phá thai ở trẻ vị thành niên, thanh niên lại có dấu hiệu gia tăng - chiếm hơn 20% các trường hợp phá thai. Nạo phá thai, đặc biệt là nạo phá thai không an toàn có thể ảnh hưởng đến tính mạng cũng như để lại nhiều di chứng về sau cho các em như: tắc nghẽn vòi trứng, tổn thương cổ tử cung, thậm chí là vô sinh. Điều này không chỉ là gánh nặng tới công tác dân số mà còn ảnh hưởng sâu sắc đến vấn đề sức khỏe của các thế hệ trẻ - những chủ nhân tương lai của đất nước.

Thêm vào đó, các tệ nạn xã hội đang diễn ra ngày càng nhiều và có chiều hướng phát triển hết sức phức tạp, đặc biệt là ở trẻ vị thành niên. Việc sa vào các tệ nạn gây

ra rất nhiều hệ quả xấu cho các em như suy thoái về mặt đạo đức, có lối sống không lành mạnh, sức khoẻ suy giảm và sa sút trong học tập.

Việc trang bị cho trẻ vị thành niên nền tảng kiến thức khoa học, những thông tin trung thực, các kỹ năng cần thiết để các em có nhận thức, thái độ, hành vi đúng đắn về cơ thể, sức khỏe sinh sản của chính mình và cách hành xử phù hợp trong các mối quan hệ xã hội là điều hết sức cần thiết. Giáo dục giới tính giữ vai trò nhất định trong việc giúp các em hiểu về bản thân, coi trọng và cảm thấy tự chủ đối với cơ thể của mình, tránh những hành động gây ra hậu quả xấu cho sức khỏe, tránh xâm hại tình dục, giúp trẻ phát triển tâm lý bình thường, hiểu và nhận thức được các mối quan hệ lành mạnh hay không lành mạnh, đồng thời tôn trọng quyền tự chủ về thân thể của người khác. Giáo dục giới tính cho các em học sinh ở tuổi vị thành niên chính là cách tốt nhất để giúp trẻ có thể tự bảo vệ sức khỏe sinh sản, tính mạng của bản thân cũng như chống lại các tệ nạn xã hội, giúp các em phòng tránh được những hậu quả không đáng có.

Bắt đầu từ năm 1980, giáo dục giới tính đã dần tiếp cận vào nền giáo dục Việt Nam. Việc áp dụng bộ môn giáo dục giới tính vào chương trình giảng dạy cho học sinh THPT đã được thực hiện nhưng dưới những hình thức nhỏ lẻ, chưa phát huy được tác dụng. Đồng thời, có một số hạn chế trong quá trình xây dựng nội dung chương trình và phương pháp giảng dạy môn học này cho các em. Vì vậy, chúng tôi lựa chọn nghiên cứu đề tài: "Thực trạng và biện pháp giáo dục giới tính cho học sinh THPT trên địa bàn thành phố Đà Lạt".

2. Mục đích nghiên cứu

Nghiên cứu cơ sở lý luận về giáo dục giới tính cho học sinh THPT. Tìm hiểu thực tiễn việc tổ chức hoạt động giáo dục giới tính cho học sinh ở trường trung học phổ thông trên địa bàn thành phố Đà Lạt. Trên cơ sở đó, khẳng định vai trò, ý nghĩa của việc tổ chức hoạt động giáo dục giới tính cho học sinh ở trường trung học phổ thông; đồng thời đề xuất một số biện pháp có tính khả thi góp phần nâng cao hiệu quả của việc tổ chức hoạt động giáo dục giới tính cho học sinh ở trường trung học phổ thông trên địa bàn TP Đà Lạt.

3. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Tổng quan các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước có liên quan đến đề tài.

- Khảo sát thực trạng tổ chức hoạt động giáo dục giới tính cho học sinh ở trường trung học phổ thông trên địa bàn thành phố Đà Lạt.

- Đề xuất một số biện pháp tổ chức hoạt động giáo dục giới tính cho học sinh ở trường trung học phổ thông trên địa bàn TP Đà Lạt.

4. Đối tượng, khách thể và phạm vi nghiên cứu

- Đối tượng nghiên cứu: Thực trạng và các biện pháp giáo dục giới tính cho học sinh THPT.

- Khách thể nghiên cứu: *300* (dự kiến) Học sinh THPT thuộc khối 10,11,12 của các trường THPT trên địa bàn TP Đà Lạt: THPT Bùi Thị Xuân, THCS – THPT Chi Lăng, THPT Chuyên Thăng Long, THPT Đống Đa, THPT Hermann Gmeiner, THCS – THPT Tây Sơn, THCS – THPT Tà Nung, THPT Yersin, THPT Trần Phú.

- Phạm vi nghiên cứu:

Phạm vi nội dung: tìm hiểu về giáo dục giới tính thực trạng giáo dục giới tính cho học sinh THPT.

Phạm vi thời gian: các số liệu phục vụ nghiên cứu của đề tài được khảo sát, điều tra trong năm học 2021-2022.

Phạm vi địa bàn: một số trường THPT trên địa bàn thành phố Đà Lạt.

5. Giả thuyết nghiên cứu

Câu hỏi: Học sinh THPT có những hiểu biết gì về các vấn đề giới tính? Các hoạt động giáo dục giới tính ở trường cung cấp cho học sinh kiến thức về vấn đề này ở mức độ nào?

- Giả thuyết 1: Học sinh vẫn còn nhiều thắc mắc về các vấn đề liên quan đến giới tính. Các em còn e ngại khi nhắc đến các vấn đề này. Những hoạt động giáo dục giới tính ở trường học diễn ra với tần suất thấp, không cung cấp đầy đủ thông tin cần thiết cho các em, không có tác động mạnh mẽ đến ý thức cũng như sự phát triển về tâm sinh lý của các em.

- Giả thuyết 2: Học sinh đã có đủ sự hiểu biết về các vấn đề liên quan đến giới tính, phần lớn là từ các hoạt động giáo dục ở trường THPT. Các hoạt động này có ảnh hưởng mạnh mẽ đến sự phát triển toàn diện của các em.

- Giả thuyết 3: Các em có kiến thức về giáo dục giới tính ở một mức độ sơ khai nhất định (ví dụ như về việc quan hệ tình dục, những hệ luỵ của quan hệ sớm, ...). Tuy nhiên, những kiến thức cốt lõi và quan trọng như các phương pháp thụ thai, biện pháp

bảo vệ an toàn khi quan hệ, kiến thức về HIV/AIDS, hay nhân văn hơn là về nhận thức giới tính, quyền bình đẳng giới, quyền thân thể, … thì các em còn xa lạ hay chưa nắm rõ.

6. Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp nghiên cứu lý luận: Trong quá trình nghiên cứu, triển khai thu thập, phân tích, tổng hợp các tài liệu liên quan như sách báo, tạp chí, các công trình nghiên cứu,… trong và ngoài nước. Từ đó, có thể nắm rõ cơ sở lý luận, bổ sung cho những nhận định, giả thuyết đưa ra.

- Phương pháp nghiên cứu thực tiễn: điều tra bằng bảng hỏi, quan sát, phỏng vấn.

- Phương pháp thống kê toán học: xử lý kết quả phiếu điều tra.

7. Ý nghĩa của đề tài

- Ý nghĩa khoa học: Kết quả nghiên cứu làm sáng tỏ thêm về thực trạng hiểu biết của học sinh về các vấn đề liên quan đến giới tính, về sự hiệu quả của các hoạt động giáo dục giới tính trong nhà trường, đồng thời khẳng định vai trò của gia đình và nhà trường trong việc giáo dục giới tính cho học sinh THPT.

- Ý nghĩa thực tiễn:

+ Giúp cho học sinh nhận thức được tầm quan trọng của giáo dục giới tính, nâng cao hứng thú trong việc tiếp nhận nền tảng kiến thức về giới tính, đồng thời giảm bớt sự e ngại khi đề cập đến những vấn đề liên quan tới giới tính.

+ Giải quyết phần nào những thắc mắc của học sinh cũng như giúp các em tránh được những sai lầm không đáng có.

+ Làm rõ vai trò của gia đình, nhà trường trong hoạt động giáo dục giới tính và trong sự phát triển lành mạnh của trẻ vị thành niên.

+ Đề xuất ra phương hướng để nâng cao chất lượng, hiệu quả của hoạt động giáo dục giới tính trong trường THPT.

+ Giúp cho các nhà khoa học, các nhà hoạt động xã hội có cơ sở tham khảo để đưa ra các biện pháp phù hợp cho các hoạt động giáo dục giới tính trong tương lai.

8. Bố cục của đề tài

Ngoài phần mở đầu, tài liệu tham khảo, phụ lục, nội dung chính của đề tài gồm có 2 chương:

Phần nội dung

Chương 1. Cơ sở lý luận về giáo dục giới tính cho học sinh THPT

Chương 2: Thực trạng và biện pháp giáo dục giới tính cho học sinh THPT trên địa bàn thành phố Đà Lạt

PHẦN NỘI DUNG

Chương 1. CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ GIÁO DỤC GIỚI TÍNH CHO HỌC SINH THPT

1.1 Tổng quan các công trình nghiên cứu liên quan đến giáo dục giới tính cho học sinh THPT.

1.1.1 Các nghiên cứu ở nước ngoài

Có rất nhiều công trình nghiên cứu đã đề cập đến tầm quan trọng của hoạt động giáo dục giới tính. Trong Tiêu chuẩn giáo dục giới tính ở Châu Âu năm 2010, WHO nhấn mạnh: Sự phát triển về mặt xã hội và kỹ thuật trong những thập kỷ qua càng làm gia tăng tính cấp thiết của việc tổ chức các hoạt động giáo dục giới tính có chất lượng để giúp thanh thiếu niên có thể giải quyết các vấn đề liên quan đến tình dục của bản thân mình một cách an toàn và thỏa đáng. Có thể kể đến các vấn đề như: toàn cầu hóa và sự xuất hiện của các nhóm dân cư mới với các nền tảng văn hóa, tôn giáo khác nhau; sự lan truyền nhanh chóng của các phương tiện truyền thông mới, đặc biệt là Internet; sự gia tăng đáng lo ngại về các bệnh lây truyền qua đường tình dục; thực trạng nạo phá thai; lạm dụng tình dục trẻ em và thanh thiếu niên; sự thay đổi trong nhận thức về giới tính và các hoạt động tình dục của giới trẻ. Giáo dục giới tính nhằm mục đích hỗ trợ và bảo vệ quá trình phát triển về giới của mỗi cá nhân. Nó từng bước trang bị, trao quyền cho trẻ em, thanh thiếu niên những thông tin, kỹ năng, giá trị tích cực để hiểu, trân trọng bản dạng giới của mình, có các mối quan hệ lành mạnh, viên mãn cũng như biết chịu trách nhiệm về sức khỏe tình dục, hạnh phúc của chính mình và của người khác. Tác giả Donatus O. Owuamanam cũng đã chỉ ra: Ngày nay, việc giáo dục giới tính trong hệ thống trường học chính quy là rất cần thiết, nhằm giúp những người trẻ có cách hành xử đúng đắn để có thể cân bằng giữa các tiêu chuẩn mới nổi về sự dễ dãi trong vấn đề tình dục với các tiêu chuẩn truyền thống về sự thiêng liêng của việc quan hệ tình dục và vấn đề sinh sản. Giáo dục giới tính là một trong những biện pháp ngăn chặn những rủi ro do việc quan hệ tình dục không có kế hoạch mang lại như mang thai ở tuổi vị thành niên hay các rủi ro về sức khỏe và tâm lý khác. Ngoài ra, tuổi vị thành niên còn vô cùng tò mò về nhiều vấn đề liên quan đến tình dục như mang thai, quan hệ tình dục và về cơ thể đang phát triển của mình. Giáo dục giới tính là một phương pháp hữu hiệu để giải thích thỏa đáng những sự tò mò này. Vai trò

của hoạt động giáo dục giới tính cũng đã được đề cập đến trong công trình nghiên cứu "Giáo dục giới tính - đó là gì?": Giáo dục giới tính nhằm mục đích phát triển, củng cố khả năng của trẻ em, thanh thiếu niên trong việc đưa ra các lựa chọn có ý thức, lành mạnh trong các mối quan hệ, các vấn đề liên quan đến sức khỏe thể chất, tình cảm và giới tính. Giáo dục giới tính không khuyến khích trẻ em và thanh thiếu niên quan hệ tình dục. Chương trình giáo dục giới tính hiệu quả có thể dẫn đến việc quan hệ tình dục có trách nhiệm hơn. Trong nghiên cứu về thái độ của phụ huynh Indonesia với chương trình giáo dục giới tính ở trường học (2021), tác giả Sanyulandy Leowalu và Jacqueline Hendriks cho thấy phụ huynh Indonesia nhìn nhận việc giáo dục giới tính là trách nhiệm của cả gia đình và nhà trường. Theo nhóm tác giả, giáo dục giới tính ở trường học là một cách hiệu quả để hỗ trợ sức khỏe sinh sản của học sinh vì các em dành phần lớn thời gian học tập tại trường; hơn nữa, trường học còn hiểu rõ hoàn cảnh của học sinh, từ đó có thể xây dựng nội dung giáo dục giới tính phù hợp cho các em. Nhóm tác giả Christine Panchaud, Sarah C. Keogh, Melissa Stillman, Kofi AwusaboAsare, Angélica Motta, Estelle Sidze và Ana Silvia Monzón cũng đã nhấn mạnh vai trò của hoạt động giáo dục giới tính: Chương trình giáo dục giới tính toàn diện ở trường học (comprehensive sexuality education (CSE)) cung cấp nền tảng kiến thức, kỹ năng thực tiễn cho học sinh hiểu rõ về nhận thức, giá trị của bản thân; tạo cơ hội cho học sinh thực hành các kỹ năng cần thiết để đưa ra những lựa chọn đúng đắn trong đời sống tình dục và các mối quan hệ xã hội. Các chương trình CSE tập trung vào quyền con người, bình đẳng giới và trao quyền đã được chứng minh giúp cải thiện kiến thức, sự tự tin và lòng tự trọng của thanh thiếu niên; đem lại thay đổi tích cực trong thái độ, nhận thức về giới tính và các chuẩn mực xã hội; tăng cường kỹ năng giao tiếp, đưa ra quyết định; phát triển tính tự lực của mỗi cá nhân. Nhóm tác giả Deevia Bhana, Mary Crewe và Peter Aggleton đã chỉ ra: Một chương trình giáo dục giới tính có chất lượng tốt có thể là một nguồn lực quan trọng để cung cấp cho thanh thiếu niên nguồn kiến thức và thông tin cần thiết để giải quyết các vấn đề về sức khỏe tình dục, sức khỏe sinh sản cũng như ngăn ngừa các hậu quả tiêu cực về mặt xã hội, sức khỏe và giáo dục.

Nhóm tác giả Paulina Ezer, Lucille Kerr, Christopher M. Fisher, Wendy Heywood và Jayne Lucke trong một nghiên cứu về trải nghiệm của học sinh Úc đối với chương trình giáo dục giới tính ở trường học (2019) chỉ ra rằng học sinh Úc nhận

thấy rõ giá trị của chương trình giáo dục giới tính ở trường học; tuy nhiên, nội dung chương trình chưa đáp ứng được nhu cầu về kiến thức của học sinh và các em thường phải tìm kiếm thông tin từ các nguồn khác, đặc biệt là trên Internet. Kết quả từ nghiên cứu cho thấy các em cho rằng chương trình giáo dục giới tính ở trường là nguồn cung cấp thông tin đáng tin cậy, nhưng nội dung đang bị giới hạn và cần được mở rộng. Cụ thể là kiến thức về các kiểu quan hệ tình dục, bản dạng giới, quan điểm tôn giáo về quan hệ tình dục ở tuổi vị thành niên và trước hôn nhân, ...

Khi nghiên cứu về nội dung của chương trình giáo dục giới tính, trong công trình "Giáo dục giới tính- đó là gì?", nhóm chuyên gia rút ra được rằng trọng tâm của hoạt động giáo dục giới tính đã thay đổi theo thời gian để phù hợp với các ưu tiên về giáo dục và sức khỏe cộng đồng vào thời điểm đó, nhưng hầu hết các yếu tố chính vẫn được giữ nguyên. Nó bắt đầu với việc ngăn ngừa quá trình mang thai ngoài ý muốn (những năm 1960-1970), sau đó chuyển sang phòng chống HIV (những năm 1980) và nâng cao nhận thức về lạm dụng tình dục (những năm 1990), cuối cùng là phòng chống phân biệt giới tính, kỳ thị người đồng tính và bắt nạt trực tuyến từ năm 2000 trở đi. Ngày nay, phân tích các chuẩn mực về giới và phản ánh về bất bình đẳng giới là những nội dung quan trọng trong hoạt động giáo dục giới tính.

Để xây dựng một chương trình giáo dục giới tính có chất lượng, Donatus O. Owuamanam nhấn mạnh: Giáo dục giới tính nên được giảng dạy như một môn học chú trọng đến các mối quan hệ, thái độ và giá trị cần thiết cho sự phát triển giới tính lành mạnh của trẻ. Giáo dục giới tính không phải là một chương trình chỉ chạy theo quan điểm của người lớn mà cần xem xét đến nhu cầu kiến thức của học sinh. UNESCO cũng đã chỉ ra: Chương trình giáo dục giới tính có chất lượng là chương trình cung cấp thông tin đầy đủ và chính xác với trọng tâm là các giá trị tích cực và những mối quan hệ lành mạnh. Giáo dục giới tính không chỉ đơn thuần là về giới tính hay hoạt động tình dục mà còn bao gồm kiến thức về cơ thể, tuổi dậy thì, các mối quan hệ, kỹ năng sống, ...

Để nâng cao hiệu quả của hoạt động giáo dục giới tính, tác giả Emmanuel Mayeza và Louise Vincent trong nghiên cứu về thái độ của người học đối với giáo dục giới tính trong định hướng đời sống ở Nam Phi (2019) đã đưa ra một số đề xuất như: xem người học như những chuyên gia trong đời sống tình dục của chính bản thân họ,

khuyến khích người học đặt câu hỏi về các vấn đề liên quan đến giới tính, tạo một môi trường không phán xét để giúp người học có thể dễ dàng chia sẻ những câu chuyện hay thắc mắc của bản thân,... Theo nghiên cứu của Samuel Eyedime Kafewo vào năm 2008, tác giả đã đề cập đến việc lồng ghép giáo dục giới tính vào những vở kịch do chính học sinh trường nữ sinh ở Zaria, bang Kaduna, Nigeria đóng vai. Phương thức này được thực hiện bởi Hiệp hội Nhà hát kịch Nigeria và Tổ chức Second Chance của Nigeria, nhằm giúp học sinh phát triển tư duy phản biện cũng như học được những bài học bổ ích. Học sinh được đóng vai và đặt mình trong tình huống của nhân vật, từ đó đưa ra được cách xử lý khi phải đối mặt với những tình huống liên quan đến vấn đề giới tính và có thể tiếp thu kiến thức giáo dục giới tính một cách trực quan hơn. Nhờ vậy, tình trạng mang thai ngoài ý muốn và nhiễm các loại bệnh tình dục ở độ tuổi vị thành niên được giảm thiểu.

1.1.2. Các nghiên cứu ở Việt Nam

Về thực trạng nhận thức và mức độ hiểu biết của các em học sinh về các vấn đề liên quan đến giới tính, trong bài báo đăng trên tạp chí Tâm lý học số 5 năm 2001, tác giả Huỳnh Sơn nhấn mạnh: "*có những nội dung khá quan trọng và thậm chí mang tính cấp thiết và thời sự nhưng sự hiểu biết của các em lại khá thấp, còn lầm lẫn bởi một số biểu hiện bên ngoài của từng kiến thức, chưa nắm rõ bản chất của kiến thức*" [4, tr25] và "*thực trạng sự hiểu biết khá thấp và thái độ e ngại của các em xuất phát từ nhiều nguyên nhân như: chưa được cung cấp một cách hệ thống những tri thức về giới tính, ảnh hưởng của dư luận xã hội và cha mẹ, ảnh hưởng từ phía bạn bè, thầy cô giáo làm các em e ngại, không có thời gian vì phải học các môn khác…*" [4, tr26] Trong công trình nghiên cứu về nhu cầu giáo dục giới tính và sức khỏe sinh sản của học sinh phổ thông trung học năm 2002, tác giả Đoàn Kim Thắng cũng đã nêu lên thực trạng rằng: "*Trong thời gian dài vừa qua, việc trang bị kiến thức về giáo dục giới tính và các biện pháp phòng ngừa thai nghén ngoài ý muốn ở lứa tuổi này còn có nhiều vấn đề nan giải. Bên cạnh đó, các chính sách của nhà nước về kế hoạch hóa gia đình và sử dụng các biện pháp tránh thai mới chỉ tập trung vào đối tượng là những người đã kết hôn, còn vị thành niên chưa kết hôn thường không được tiếp xúc rộng rãi với những thông tin về tình dục, các biện pháp tránh thai cũng như không có điều kiện để tiếp cận với những người cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình.*" [3, tr59] Trong bài báo "Về vấn đề giáo dục giới tính", tác giả Bùi Ngọc Oánh đã chỉ ra "*những kiến thức về giới*

tính trong thanh niên và học sinh, sinh viên chủ yếu chỉ là tự nhận thức qua con đường đọc sách, rút kinh nghiệm, qua trao đổi với bạn bè và phim ảnh. Đây là một điều đáng ngại, bởi học qua kinh nghiệm thường có mặt chủ quan đôi khi thiếu khoa học bởi không có sư hướng dẫn đúng đắn." [1, tr53]

Việc tổ chức chương trình giáo dục giới tính cho các em học sinh hiện nay là rất cần thiết và hết sức quan trọng. Tác giả Huỳnh Sơn nhấn mạnh: "*Giáo dục thế hệ trẻ trở thành con người toàn diện không những chỉ cần cung cấp những tri thức khoa học đơn thuần mà những tri thức về giới tính, đời sống giới tính là điều không thể thiếu được*." [4, tr24] Tác giả Bùi Ngọc Oánh cũng đã đề cập đến vấn đề này trong bài báo đăng trên tạp chí Nghiên cứu Con người Số 2 năm 2003: "*Chúng ta ai cũng có thể nhận thấy rằng nếu một con người có đời sống giới tính lành mạnh thì cũng có điều kiện để phát triển cơ thể hài hòa, mạnh khỏe, cân đối giữa thể chất và tinh thần. Ngược lại, những người có đời sống giới tính thiếu lành mạnh thì khó có thể phát triển toàn diện hoặc có được cuộc sống gia đình hạnh phúc*" [1, tr52] và "*để có được những con người phát triển hài hoà, khoẻ về thể chất, lành mạnh về tinh thần, bên cạnh giáo dục đạo đức và tri thức, rõ ràng chúng ta cần phải chú ý đến việc tăng cường giáo dục giới tính.*" [1, tr53] Công trình nghiên cứu của Đoàn Kim Thắng về nhu cầu giáo dục giới tính và sức khỏe sinh sản của học sinh phổ thông trung học năm 2002 đã đưa ra ý kiến của các thầy cô giáo đang giảng dạy cho học sinh phổ thông trung học, cho rằng việc tổ chức chương trình giáo dục giới tính cho học sinh "*là việc làm cần thiết, nhất là trong tình hình những năm gần đây khi điều kiện kinh tế - xã hội phát triển, sự gia tăng của các phương tiện và loại hình thông tin đại chúng.*" [3, tr64] Trong bài đăng trên tạp chí Dạy và học ngày nay số 1 năm 2015, tác giả Nguyễn Thị Anh Khuyên cũng đã nhấn mạnh rằng: "*Giáo dục giới tính là việc làm cần thiết và cấp bách. Giáo dục giới tính là một bộ phận quan trọng của việc giáo dục nhân cách con người phát triển toàn diện. Giáo dục giới tính góp phần bồi dưỡng cho thế hệ trẻ những hiểu biết cần thiết về giới tính, hình thành cho họ những phẩm chất về giới tính của mình, hình thành cho họ thái độ và kỹ năng giao tiếp ứng xử lịch sự, văn minh trong quan hệ với bạn khác giới và trong hoạt động của đời sống xã hội*." [8, tr61]

Tuy nhiên, ở nước ta, việc tổ chức chương trình giáo dục giới tính cho các em học sinh còn nhiều bất cập. Kết quả từ công trình nghiên cứu của Đoàn Kim Thắng cho thấy: "*Mặc dù xác định việc đưa các nội dung giáo dục giới tính vào trường phổ*

thông là cần thiết, nhưng cũng có ý kiến của các thầy cô giáo cho rằng hiện nay nhà trường đang ở trong tình trạng quá tải về các chương trình do Bộ và Sở Giáo dục quy định, đây cũng là thách đố đối với công tác giáo dục của các trường phổ thông" [3, tr65] và "*bên cạnh các sự thiếu hụt một chương trình giảng dạy đầy đủ và thích hợp là một sự thiếu giáo viên giảng dạy. Các giáo viên không hề được đào tạo để có thể truyền đạt những thông tin đến các học sinh và thiếu kỹ năng cần thiết để giảng dạy và cung cấp những lời khuyên về những vấn đề nhạy cảm nói trên. Trường học cũng thiếu năng lực trong việc cung cấp những tư vấn trực tiếp cho học sinh về những vấn để cấm kỵ có liên quan đến sức khỏe sinh sản.*" [3, tr70] Tác giả Bùi Ngọc Oánh cũng nêu lên một thực tế là "*trong hoạt động giáo dục và tuyên truyền về giới tính hiện nay còn quá tập trung, quá nặng về sinh lý giới tính (giáo dục sức khỏe sinh sản, bệnh lý giới tính, giáo dục tình dục) mà ít chú ý đến việc giáo dục những phẩm chất giới tính, thẩm mỹ giới tính, văn hoá giới tính, cách cư xử giữa nam và nữ.*" [1, tr54] Trong nội dung bài báo "Giáo dục giới tính cho trẻ vị thành niên nông thôn, cần một sự quan tâm đúng mức", tác giả Minh Túy cũng chỉ ra thực trạng về vấn đề giáo dục giới tính rằng "*ngay trường phổ thông là nơi có trách nhiệm cung cấp kiến thức cho các cháu cũng rất xem nhẹ việc này. Phần thì cho đây là nội dung không cơ bản, phần thì giáo viên cũng rất né tránh vấn đề tế nhị, khó nói này.*" [5, tr50] Trong bài đăng trên tạp chí Dạy và học ngày nay số 5 năm 2016, tác giả Nguyễn Thị Xuyến cũng chỉ ra "*vấn đề giáo dục giới tính trong các nhà trường hiện còn khá sơ sài, mang nặng tính hình thức khiến các em càng tò mò*." [9, tr38]

Các tác giả cũng đã đưa ra những biện pháp đề xuất cụ thể để cải thiện chất lượng chương trình giáo dục giới tính cho các em học sinh. Tác giả Huỳnh Sơn đã đề cập một số biện pháp như: "*Tuyên truyền và giải thích trong phụ huynh, giáo viên về tầm quan trọng của giáo dục giới tính, nội dung GDGT đối với sự phát triển toàn diện của học sinh. Nhấn mạnh việc phải được học nội dung GDGT đối với học sinh PTTH; Làm công tác tư tưởng đối với học sinh, nêu kế hoạch học tập, thảo luận và kiểm tra đánh giá. Yêu cầu về tính nghiêm túc trong quá trình học tập: ghi chép đầy đủ, đảm bảo trật tự, tích cực, làm bài kiểm tra sau khi học; Mời giảng viên kết hợp với giáo viên có chuyên môn tiến hành trao đổi kinh nghiệm và soạn thảo giáo án giảng dạy, đặc biệt chú trọng nhiều đến phương pháp giảng dạy những tri thức về giới tính; Phối hợp với Đoàn trường tổ chức hội thi 'Giới tính và học sinh PTTH'; Tổ chức mời*

chuyên gia tư vấn tâm lý làm việc tại trường PTTH hai buổi mỗi tuần để tiến hành công tác tư vấn và giải đáp các thắc mắc." [4, tr27] Tác giả Minh Túy đề xuất "*nên có một chương trình đồng bộ, được triển khai bài bản, từng bước thành lập các câu lạc bộ về tình yêu, SKSS do Đoàn thanh niên, Hội Phụ nữ chủ trì.*" [5, tr50] Tác giả Nguyễn Thị Xuyến đã trình bày sáu giải pháp để cải thiện chương trình giáo dục giới tính: "***Một là,*** *nghiên cứu xây dựng nội dung, chương trình giáo dục giới tính một cách hợp lý, bài bản, khoa học, chặt chẽ và đầy đủ hơn;* ***Hai là,*** *thường xuyên tổ chức các cuộc hội thảo liên quan trực tiếp đến chủ đề "giáo dục giới tính" trong đó có sự tham gia của giáo viên và học sinh, nhất là giáo viên dạy môn sinh học và môn giáo dục công dân để các thầy cô giáo có thể tiếp cận một cách khoa học, có tính hệ thống để vận dụng vào quá trình giảng dạy. Đồng thời, giáo viên có thể là những nhà tư vấn cho học sinh khi các em có nhu cầu trợ giúp;* ***Ba là****, thường xuyên tổ chức các diễn đàn, các hoạt động giao lưu giữa giáo viên, học sinh với các chuyên gia về lĩnh vực giáo dục giới tính để giúp các thầy cô giáo và các em học sinh hiểu được vai trò, tầm quan trọng của giáo dục giới tính;* ***Bốn là****, các trường nên thành lập các phòng tham vấn, tư vấn học đường, cộng tác với các chuyên gia về lĩnh vực này để giúp học sinh thỏa mãn nhu cầu được tư vấn về vấn đề giới tính và giải đáp được những băn khoăn, trăn trở của tuổi học trò trước các vấn đề tế nhị muốn biết nhưng ngại hỏi;* ***Năm là,*** *nhà trường, đặc biệt là các giáo viên chủ nhiệm cần phối hợp chặt chẽ và có hiệu quả với gia đình trong việc giáo dục học sinh, trong đó có vấn đề giáo dục giới tính;* ***Sáu là,*** *cần tăng cường và phát huy vai trò của tổ chức Đoàn để tổ chức các hoạt động liên quan vấn đề giáo dục giới tính nhằm tuyên truyền cho các em học sinh, tạo sức lan tỏa rộng rãi và hiệu quả.*" [9, tr39]

1.2. Một số khái niệm cơ bản của đề tài

1.2.1. Khái niệm giới

Giới là một tập hợp người trong xã hội có những đặc điểm sinh học cơ bản giống nhau. [2,tr.23]

Trong xã hội, giới là khái niệm chỉ đặc điểm, vai trò, vị trí của nam và nữ trong tất cả các mối quan hệ xã hội. Giới không mang tính bẩm sinh mà được hình thành trong quá trình sống, học tập của con người từ khi còn nhỏ đến lúc trưởng thành. Nói cách khác, giới được thể hiện thông qua các hành vi được hình thành từ sự dạy dỗ và thu nhận từ gia đình, cộng đồng và xã hội, là vị trí, vai trò của nam và nữ mà xã hội

mong muốn, kỳ vọng ở phụ nữ và nam giới liên quan đến các đặc điểm và năng lực nhằm xác định thế nào là một người nam giới hay một phụ nữ (hoặc trẻ em trai, trẻ em gái) trong một xã hội hay một nền văn hóa nhất định. *Ví dụ: phụ nữ làm nội trợ, thêu thùa, chăm sóc con cái, nam giới xây dựng nhà cửa, làm kinh tế,…* Những hành vi này không phải là hành vi hay kỹ năng bẩm sinh mà do họ được xã hội, gia đình, cộng đồng dạy dỗ để làm việc đó vì xã hội cho rằng như vậy là phù hợp với thiên chức phụ nữ hoặc nam giới.

1.2.2. Giới tính

Giới tính là toàn bộ những đặc điểm ở con người, tạo nên sự khác biệt giữa nam và nữ.

Theo Từ điển Tiếng Việt, "giới tính là những đặc điểm chung phân biệt giữa nam với nữ, giống đực và giống cái".

Theo WHO, giới tính là thuật ngữ dùng để chỉ nét đặc trưng sinh học của giữa nam và nữ được hình thành nên trong xã hội. Điều này bao gồm những tiêu chuẩn, hành vi và vai trò gắn liền với nam và nữ, cũng như mối quan hệ giữa người với người. Là một cấu trúc xã hội, giới tính rất đa dạng giữa xã hội này với xã hội khác, đồng thời có thể thay đổi theo thời gian. [29]

Dưới góc độ pháp lý, khái niệm giới tính được đề cập tại Điều 5, Luật Bình đẳng giới: "Giới tính chỉ các đặc điểm sinh học của nam, nữ".

Giới tính có những đặc điểm như sau:

Thứ nhất, đó là yếu tố bẩm sinh, có sẵn từ lúc lọt lòng sinh ra đã là nam hay nữ.

Thứ hai, giới tính là sản phẩm của quá trình tiến hóa sinh học ở trình độ cao. Do vậy, các đặc trưng giới tính hầu như không phụ thuộc vào thời gian hay không gian. Từ ngàn xưa đến nay về mặt sinh học phụ nữ ở khắp nơi trên thế giới đều có đặc điểm sinh học đồng nhất và đối với nam giới cũng tương tự như vậy.

Thứ ba, giới tính có những biểu hiện có thể quan sát trong cấu tạo giải phẫu sinh lý người. Giữa nam và nữ có những đặc điểm khác nhau về gen, cơ quan nội tiết, hóc môn, cơ quan sinh dục… Đồng thời giới tính gắn liền với một số chức năng sinh học đặc biệt là chức năng tái sản xuất con người. Ví dụ, nam giới có khả năng thụ thai còn phụ nữ có khả năng mang thai, đẻ con và cho con bú. Do đó, giới tính không thể thay đổi (trừ những can thiệp từ y học).

1.2.3. Giáo dục giới tính

Giáo dục giới tính là quá trình giáo dục con người (thanh thiếu niên), nhằm làm cho họ có nhận thức đầy đủ, có thái độ đúng đắn về giới tính và quan hệ giới tính, có nếp sống văn hóa giới tính, hướng hoạt động của họ vào việc rèn luyện để phát triển nhân cách toàn diện, phù hợp với giới tính, giúp cho họ biết tổ chức tốt nhất cuộc sống riêng cũng như xây dựng gia đình hạnh phúc, xã hội phát triển. [2, tr.29]

Theo Hội đồng Giáo dục giới tính và Sức khỏe sinh sản của Mỹ (SIECUS, 2014), giáo dục giới tính là quá trình nhận thức về giới tính và hình thể, tình cảm và quan hệ, niềm tin và giá trị, sự khác biệt và vai trò của giới tính. Giáo dục giới tính được hình thành từ giai đoạn bố mẹ chăm sóc và nuôi dưỡng trẻ sơ sinh; tiếp tục diễn ra khi trẻ tới tuổi đến trường, được bố mẹ hướng dẫn cách mặc quần áo, đi vệ sinh và dạy những kiến thức cơ bản về cơ thể của trẻ.

Theo National Guideline Taskforce (1991), giáo dục giới tính là một quá trình dài của sự tiếp nhận thông tin, hình thành thái độ, niềm tin, giá trị về bản thân cũng như về các mối quan hệ. Quá trình này bao gồm sự phát triển nhận thức về cơ thể và giới tính, sức khỏe sinh sản, các mối quan hệ, tình cảm, sự thân mật và vai trò xã hội của mỗi cá nhân. Bên cạnh đó, giáo dục giới tính còn chỉ ra tầm quan trọng của kỹ năng giao tiếp hiệu quả và tinh thần trách nhiệm đối với những quyết định mà bản thân đưa ra.

Như vậy, *giáo dục giới tính là quá trình giáo dục con người ngay từ khi biết nhận thức cho đến khi trưởng thành, giúp mỗi cá nhân có đầy đủ kiến thức về cơ thể, sức khỏe sinh sản của bản thân, biết coi trọng, tự chủ đối với cơ thể của mình và có cách hành xử phù hợp trong các mối quan hệ xã hội. Thêm vào đó, giáo dục giới tính giúp mỗi cá nhân rèn luyện, phát triển nhân cách toàn diện, đồng thời có khả năng đưa ra những quyết định có trách nhiệm với bản thân, gia đình và xã hội.*

Quá trình giáo dục giới tính đồng nghĩa với việc cung cấp những thông tin về sự phát triển trong cơ thể, giới tính, tình dục hay những mối quan hệ, xây dựng những kỹ năng giúp mỗi người có thể giao tiếp và đưa ra những quyết định liên quan đến sức khỏe hay quan hệ tình dục.

1.3. Tầm quan trọng của giáo dục giới tính cho học sinh THPT

Theo Evans D., giáo dục giới tính là một trong những chủ đề chính thức đối với việc gợi mở và ngăn chặn những cách thức tiếp cận các quyền liên quan đến giới tính

của một nhóm đối tượng cụ thể trong xã hội (bao gồm quyền tự do bình đẳng, quyền riêng tư, tự do ý chí, sự thanh liêm chính trực của mỗi người). [15]

Theo Doortje Braeken và Melissa Cardinal, giáo dục giới tính có 5 vai trò: (1) giảm nạn đói nghèo, (2) phổ cập giáo dục tiểu học, (3) xúc tiến bình đẳng giới, (4) giảm tỉ suất tử vong mẹ và (5) chống lại HIV/AIDS và các loại bệnh khác. [12]

Có thể nói, giáo dục giới tính là phương tiện giúp con người, bất kể độ tuổi hay giới tính, tự tin hơn trong việc quyết định giới tính của bản thân mình để phát triển các mối quan hệ an toàn và hạnh phúc. Điều này góp phần giúp chúng ta nhận thức được giá trị của bản thân mình và có nền tảng về sức khỏe giới tính tốt hơn.

Giáo dục giới tính đóng vai trò quan trọng trong việc giảm tình trạng mang thai ngoài ý muốn, đặc biệt ở độ tuổi thành niên và vị thành niên. Theo thống kê tại Việt Nam mỗi năm có khoảng 70.000 ca phá thai ở lứa tuổi vị thành niên và thanh niên chưa có gia đình. Bởi vậy, việc cung cấp những kiến thức giáo dục liên quan đến giới tình về sức khỏe sinh sản và những biện pháp về tránh thai là điều rất cần thiết.

Giúp các đối tượng học sinh, sinh viên lựa chọn được mối quan lành mạnh: việc duy trì được những mối quan hệ lành mạnh xuất phát từ những kỹ năng chứ không một ai dạy cho các bạn trẻ. Những vấn đề như về cách giao tiếp tích cực, giải quyết được những mâu thuẫn, tìm hiểu và ý thức được những mối quan hệ tình dục an toàn, … Những đối tượng học sinh; sinh viên khi thiếu sót một trong những kỹ năng trên sẽ dẫn đến những mối quan hệ không lành mạnh.

Giảm thiểu về độ tuổi quan hệ tình dục lần đầu: những bài học, những buổi ngoại khóa về giáo dục sức khỏe giới tính giúp các em học sinh; sinh viên có thể nhận thức rằng không quan hệ là cách mang lại 100% hiệu quả trong việc ngừa thai ngoài ý muốn. Bên cạnh đó, những căn bệnh lây lan và HIV có thể lây truyền sang con đường tình dục. Qua những buổi học và trao đổi qua lại sẽ giúp cho các em nhận thức đúng đắn được những vấn đề trên.

Nhận thức được giá trị của bản thân: thông qua các hoạt động giáo dục giới tính giúp các em có thể dễ dàng nhận thức về những thông tin cơ bản về quá trình phát triển ở tuổi dậy thì, đồng thời đưa ra những quyết định về việc nên và không nên làm việc gì, biết từ chối những mối quan hệ không tốt trong xã hội.

Ngoài ra, thanh thiếu niên có thêm khả năng tìm hiểu, học hỏi, từ đó có cơ hội việc làm và môi trường tốt hơn, giúp nâng cao điều kiện sống và giảm tình trạng rơi vào cảnh đói nghèo trong tương lai.

1.4. Nhiệm vụ của giáo dục giới tính ở trường THPT

- *Thứ nhất,* giáo dục giới tính cần phải giúp con người biết phê phán, bác bỏ những quan niệm, nhận thức sai về giới tính và giáo dục giới tính như:

+ Phê phán, bác bỏ những nhận thức không đúng đắn về bản năng sinh dục, về quan hệ tình dục, về khuynh hướng "giải phóng tình dục", "cách mạng tình dục" hoặc xu hướng tiêu cực, phó mặc mọi chuyện "cho nó đến đâu thì đến", dẫn đến sự tan vỡ của nhiều cuộc hôn nhân.

+ Phân tích, phê phán những tư tưởng và những hành vi không lành mạnh: quan hệ tình dục bừa bãi, yêu nhau, lấy nhau, bỏ nhau quá dễ dàng, thiếu ý thức trách nhiệm đối với việc xây dựng gia đình, xã hội giống nòi, chỉ chạy theo khoái cảm…

+ Giải quyết được những băn khoăn e ngại, cho rằng giáo dục giới tính sẽ chỉ làm cho thanh thiếu niên bị kích thích không lành mạnh, chỉ làm cho các em hư hỏng. Cần phải làm cho mọi người thấy rằng, bản năng tính dục có sức thúc đẩy mãnh liệt đến độ, nếu ta không giáo dục cho con người, thì bản thân họ, đến một lúc nào đó, sẽ tự tìm hiểu, tự đi với những vấn đề đó qua nhiều nguồn thông tin không chính thức, và như vậy, sẽ có thể dẫn tới những hậu quả không tốt.

- *Thứ hai,* giáo dục giới tính phải giúp cho con người hình thành được những tri thức, những quan niệm đúng đắn, khoa học, phù hợp, có tác dụng tốt cho họ và xã hội, bao gồm:

+ Tri thức đúng đắn khoa học về sinh lí cơ thể, đời sống tình dục, cả về cấu tạo, chức năng, cả về các giai đoạn phát triển của nó… để họ có thể vận dụng những tri thức này vào cuộc sống, vào việc bảo vệ sức khoẻ, sắc đẹp và đời sống hạnh phúc.

+ Những tri thức đúng đắn khoa học về đời sống tâm lí, tâm lí tính dục, tâm lí giới tính…

+ Những tri thức đúng đắn khoa học về tình yêu, hôn nhân, đời sống gia đình, về đạo lí, tâm lí xã hội, về cách cư xử và xây dựng mối quan hệ tốt đẹp với mọi người, với người khác giới, với người yêu, người vợ, người chồng, cha mẹ, con cái, việc sinh đẻ và nuôi dạy con cái.

+ Chính sách dân số của nhà nước.

Theo Giáo sư Bùi Ngọc Oánh, nhiệm vụ của giáo dục giới tính [2, tr.150] bao gồm:

- Hình thành và trang bị cho thế hệ trẻ những tri thức khoa học, thái độ và quan niệm đúng đắn về những hiện tượng của đời sống giới tính, sinh lý tính dục, về cấu trúc và chức năng của các hệ cơ quan của cơ thể, nhất là hệ cơ quan sinh dục; về sự cư xử đúng đắn, phù hợp trong các mối quan hệ với mọi người, với người khác giới, về những vấn đề đạo đức giới tính, thẩm mĩ giới tính, tình yêu, hôn nhân và đời sống gia đình…

- Giúp cho các em có bản lĩnh vững vàng bước vào đời sống xã hội, biết bảo vệ, giữ gìn sức khỏe cho người bạn và cho chính mình, có khả năng chống chọi lại những cạm bẫy, quyến rũ của lối sống ăn chơi đồi trụy, biết phê phán, bác bỏ những quan niệm không đúng về tình yêu, tình dục, quan hệ tình dục quá sớm hoặc buông xuôi, cả nể, dẫn tới quan hệ tình dục bừa bãi, yêu nhau, bỏ nhau quá dễ dàng.

- Giúp các em biết trân trọng và bảo vệ những giá trị cao cả và thiêng liêng của tình bạn thân thiết và gắn bó, của tình yêu sâu nặng và chung thủy, biết được cái hay cái đẹp của nếp sống văn hóa văn minh.

- Chuẩn bị về tinh thần và khả năng thực tiễn cho thế hệ trẻ, giúp cho họ phát triển nhân cách toàn diện, biết cách tổ chức và xây dựng cuộc sống gia đình hạnh phúc, nâng cao chất lượng cuộc sống, góp phần xây dựng và thúc đẩy xã hội phát triển, giàu mạnh.

Như vậy, *có thể nói giáo dục giới tính đóng vai trò vô cùng quan trọng trong việc hình thành, hoàn thiện bản thân của mỗi người và có những nhiệm vụ chính như sau:*

- Giúp định hướng cho trẻ vị thành niên hiểu những khái niệm cơ bản về giới tính, mối quan hệ nam nữ và các mối quan hệ khác trong cuộc sống trong gia đình, xã hội.

- Giúp hình thành và trang bị cho trẻ vị thành niên những tri thức, thái độ và quan niệm đúng đắn về những hiện tượng sinh lý, giới tính, cấu trúc và chức năng của các cơ quan trong cơ thể; nhất là hệ cơ quan sinh dục; cách cư xử đúng đắn về những vấn đề giới tính, thẩm mỹ giới tính, phù hợp với người khác giới và đồng giới, hôn nhân.

- Giúp trang bị cho các em nguồn tri thức và bản lĩnh ứng xử khi bước vào xã hội, hiểu biết được giá trị bản thân và cách bảo vệ bản thân trước những tình huống

xấu, nguy hiểm, không phù hợp để tránh làm thương tổn đến bản thân và gây ra hậu quả đáng tiếc cho cá nhân, gia đình và xã hội.

- Tạo tiền đề và cơ hội để các em có nền tảng trong việc phát triển nhân cách, góp phần xây dựng và nâng cao chất lượng cuộc sống, giúp xã hội ngày một phát triển và giàu mạnh hơn.

1.5. Những yêu cầu cơ bản của giáo dục giới tính

Để xây dựng một chương trình giáo dục giới tính hoàn thiện và hiệu quả, chúng ta nên chú trọng đến những yếu tố sau:

1.5.1. Yếu tố toàn diện

Cần chú trọng đến sự phát triển toàn vẹn những phẩm chất và nhân cách con người, về những giá trị thân thể và quyền con người. Học giáo dục giới tính sẽ giúp các em nhìn nhận bản thân công bằng và bình đẳng trong một mối quan hệ, có khả năng tự bảo vệ bản thân khỏi những điều tiêu cực, có đủ tự tin và kiến thức để tham gia vào các hoạt động xã hội cũng như các mối quan hệ xã hội một cách cởi mở và an toàn. Một chương trình giáo dục giới tính chưa hoàn thiện là chương trình chỉ đề cập về nội dung liên quan đến quan hệ tình dục, những tác động xấu của quan hệ sớm trước hôn nhân, những bệnh rủi ro có thể gặp chứ không đào sâu về những nội dung cốt lõi như các phương pháp thụ thai, biện pháp bảo vệ an toàn khi quan hệ, kiến thức về HIV/AIDS, hay nhân văn hơn là về nhận thức giới tính, quyền bình đẳng giới, quyền thân thể…

1.5.2. Yếu tố phù hợp với lứa tuổi

Nội dung giáo dục giới tính nên được thiết kế riêng cho từng cấp học, khối lớp để có được sự phù hợp về nhận thức và khả năng tiếp thu của từng lứa tuổi bởi không phải bất kì độ tuổi nào cũng sẽ có khả năng nhận thức, thấu hiểu và tiếp thu kiến thức như nhau. Việc áp đặt một nội dung giáo dục giới tính cứng nhắc cho tất cả đối tượng sẽ làm các em cảm thấy không gần gũi, không liên hệ được với bản thân mình, dẫn đến sự nhàm chán hay thiếu tập trung, thiếu nghiêm túc trong quá trình tiếp thu kiến thức.

1.5.3. Yếu tố liên tục

Chương trình giáo dục giới tính cần được xây dựng thành một hệ thống hoàn chỉnh và liên tục, giáo dục cho các em những nội dung phù hợp với từng cấp bậc và đều đặn tổ chức mỗi năm học. Cho đến nay, giáo dục giới tính vẫn chỉ được xem như một hoạt động ngoài giờ lên lớp và được tổ chức giáo dục không thường xuyên. Sự

ngắt quãng này vô tình sẽ làm các em không nắm được những nội dung quan trọng và quên bẵng đi hoàn toàn những gì vừa được học sau khi làm một bài kiểm tra hay bài thu hoạch cuối cùng của buổi học đó.

1.6. Những nguyên tắc trong giáo dục giới tính

Trong tài liệu Giáo dục giới tính của Nguyễn Hữu Dũng được xuất bản vào năm 1999, ông đã chỉ ra 12 nguyên tắc giáo dục giới tính [7] như sau:

- Trước hết là nguyên tắc tính khoa học. Đây được coi là nguyên tắc đầu tiên và trên hết, là nền tảng vững chắc mà bất cứ chương trình giáo dục giới tính nào cũng cần phải đặt lên hàng đầu.

- Thứ hai là nguyên tắc tính mục đích và tính tư tưởng. Theo nguyên tắc này, việc truyền thụ kiến thức và hình thành thái độ cho học sinh có mối liên kết đặc biệt chặt chẽ và cần được hết sức lưu tâm. Bên cạnh đó, chương trình giáo dục giới tính cũng cần phát huy hứng thú cá nhân của người học và khơi dậy lí tưởng sống phù hợp với yêu cầu của xã hội.

- Thứ ba là nguyên tắc hiện thực. Bất cứ nội dung nào được giảng dạy trong lĩnh vực giáo dục giới tính cũng phải được tiến hành trên cơ sở những hiểu biết thực tiễn về phân hóa giới tính, đi kèm với những khác biệt giới tính, tình dục của con người.

- Thứ tư là nguyên tắc thống nhất ý thức và hành động của học sinh trong giáo dục giới tính. Mục tiêu quan trọng nhất của giáo dục giới tính là xây dựng cho học sinh một nền tảng kiến thức giới tính và sinh sản đúng đắn, giúp các em nhận thức được rõ ràng và tự mình áp dụng được trong cuộc sống hiện tại và sau này.

- Thứ năm là nguyên tắc có địa chỉ. Giáo dục giới tính không được rập khuôn giảng dạy cho mọi đối tượng mà phải phù hợp với từng lứa tuổi học sinh.

- Thứ sáu là nguyên tắc liên tục. Đối với trẻ nói chung, giáo dục giới tính cần phải tiến hành ở tất cả các mốc thời gian, cụ thể là ngay từ khi còn ấu thơ đến lúc trưởng thành.

- Thứ bảy là nguyên tắc chân thật. Nội dung giáo dục giới tính không được phép nói sai sự thật hoặc cố tình thờ ơ, phớt lờ những thắc mắc của trẻ.

- Thứ tám là nguyên tắc tin cậy. Trẻ cần được cảm thấy an toàn và tôn trọng để có thể bộc lộ những suy nghĩ và thắc mắc của mình về những vấn đề giới tính, vì vậy người lớn cần có thái độ nghiêm túc đối khi lắng nghe các em, tránh những biểu hiện nghi ngờ hay lảng tránh.

- Thứ chín là nguyên tắc thuần khiết. Những kiến thức giáo dục giới tính hoàn toàn dựa trên những cơ sở khoa học về sinh lí con người, vì vậy tuyệt đối không nên có những suy nghĩ tầm thường, cợt nhả hay khêu gợi tính dục khi trình bày về giáo dục giới tính cho các em.

- Thứ mười là nguyên tắc thành thục. Để học sinh có thể học giáo dục giới tính một cách tự nhiên và thoải mái, những nhà giáo dục, truyền đạt kiến thức cũng phải có thái độ tự tin, thành thục, không xấu hổ hay tạo sự dè dặt, căng thẳng cho các em.

- Thứ mười một là nguyên tắc tích cực. Bên cạnh thái độ tự nhiên, giáo viên cũng cần tích cực chủ động khơi gợi tình huống có liên quan đến giới tính để quá trình dạy và học thú vị, sinh động hơn.

- Thứ mười hai là nguyên tắc lặp lại. Để tránh tình trạng dạy và học qua loa, học trước quên sau, người dạy cần chuẩn bị nội dung giáo dục ở nhiều chủ đề và có sự lặp lại những chủ đề đó nhiều lần để khắc sâu kiến thức và giúp các em hình thành thái độ đúng đắn.

1.7. Đặc điểm tâm sinh lý học sinh bậc THPT

Giáo dục giới tính là một đề tài quan trọng đối với mọi đối tượng học sinh sinh viên, tuy nhiên, vấn đề này cần được đặc biệt lưu tâm cho đối tượng học sinh THPT bởi vì đây là giai đoạn mà các em trải qua tuổi dậy thì và có những thay đổi lớn về mặt cơ thể cũng như tâm sinh lý.

Sự khác biệt cơ bản của lứa tuổi học sinh trung học phổ thông với các em ở lứa tuổi khác là sự phát triển mạnh mẽ, thiếu cân đối giữa các mặt cơ thể, trí tuệ, tâm sinh lý. Tuổi học sinh THPT là thời kì đạt được sự trưởng thành về mặt cơ thể. Sự phát triển thể chất đã bước vào thời kì phát triển bình thường, hài hòa, cân đối. Cơ thể của các em đã đạt tới mức phát triển của người trưởng thành, nhưng sự phát triển của các em còn kém so với người lớn. Các em có thể làm những công việc nặng của người lớn. Hoạt động trí tuệ của các em có thể phát triển tới mức cao. Khả năng hưng phấn và ức chế ở vỏ não tăng lên rõ rệt có thể hình thành mối liên hệ thần kinh tạm thời phức tạp hơn. Tư duy ngôn ngữ và những phẩm chất ý chí có điều kiện phát triển. Ở tuổi này, tuyến nội tiết bắt đầu hoạt động mạnh dẫn đến sự mất cân bằng giữa các hoóc-môn trong cơ thể, gián tiếp ảnh hưởng đến trạng thái thần kinh của các em. Cụ thể, các em sẽ thường có những phản ứng mạnh mẽ hay chống đối lại người lớn. Việc bị ảnh hưởng bởi hoạt động sinh lý diễn ra bên trong cơ thể, kết hợp với các tác nhân bên

ngoài dễ khiến học sinh buồn vui thất thường, dễ xúc động, bực tức hay bị kích động và mang tư tưởng khẳng định mình. Bước sang tuổi thanh niên các em có cảm nhận rõ rệt rằng mình đã lớn hay mình cũng gần giống người lớn, sắp trở thành người lớn. Ranh giới giữa tuổi thanh niên và tuổi người lớn trong con mắt của thanh niên không phải bao giờ cũng hiện lên một cách rõ ràng. Trong quan hệ với trẻ nhỏ tuổi hơn hay trong quan hệ với các bạn đồng lứa thanh niên có xu hướng cố gắng thể hiện mình như những người đã lớn. Các em hướng tới các giá trị của người lớn, so sánh mình với người lớn, mong muốn được tự lập, tự chủ trong giải quyết các vấn đề của riêng họ. Tuy nhiên thực tiễn cuộc sống đã đưa các em ở tuổi này vào một hoàn cảnh đầy mâu thuẫn: muốn trở thành người lớn song thanh niên ý thức được rằng mình chưa đủ khả năng. Mâu thuẫn này đã tạo ra những thay đổi lớn trong lĩnh vực tình cảm của lứa tuổi thanh niên. Các em nghĩ mình đã lớn và mong muốn mọi người tiếp nhận ý kiến của mình như một người trưởng thành. Những thay đổi trong tâm sinh lý kết hợp với việc ba mẹ không trò chuyện và chia sẻ sẽ khiến các em dễ ức chế và thất vọng, từ đó gây nên những rạn nứt tình cảm không đáng có. Chính vì nguyên nhân này, ở tuổi dậy thì, mối quan hệ bạn bè thường được học sinh yêu thích và tín nhiệm hơn.

Bên cạnh những biến chuyển trong nhận thức và tình cảm, sinh lý cơ thể của các em trong độ tuổi từ 15 đến 18 cũng có những thay đổi rõ rệt:

- Ở nam: hoóc-môn testosterone tăng cao gây nên những biến đổi về ngoại hình và cả chức năng sinh dục, mọc râu và tăng chiều cao.

- Ở nữ: lượng hoóc-môn estrogen tăng cao cũng gây nên những biến đổi về ngoại hình, tăng chiều cao, thanh quản giọng cao và kỳ kinh đầu tiên xuất hiện.

Sự thay đổi về cơ thể và tâm sinh lý của học sinh trung học phổ thông đã làm các em quan tâm hơn về cơ thể mình, luôn muốn làm đẹp để thu hút sự chú ý của người khác giới, bắt đầu thích chơi với bạn khác giới nhiều hơn. Lứa tuổi này cũng đã quan tâm đến tình cảm giữa nam và nữ nhưng chưa đủ điều kiện để xây dựng tình yêu đôi lứa bền vững. Trẻ vị thành niên trong giai đoạn từ 15 đến 18 tuổi đã có những mối tình đầu và các giao tiếp tình dục. Tuy nhiên, các em vẫn còn thiếu nền tảng kiến thức về các vấn đề này. Do đó, việc giáo dục giới tính cho các em là hết sức cần thiết, cần sự phối hợp giữa gia đình và nhà trường để giúp các em vững vàng vượt qua những giai đoạn đầy biến động của tuổi dậy thì.

Chương 2: THỰC TRẠNG VÀ BIỆN PHÁP GIÁO DỤC GIỚI TÍNH CHO HỌC SINH THPT TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT

2.1. Cách thức tiến hành khảo sát

2.1.1. Giai đoạn 1: Nghiên cứu lý luận

Mục đích của việc nghiên cứu lý luận là hệ thống hoá một số vấn đề lý luận cơ bản về GDGT, về thực trạng hoạt động GDGT bao gồm tổng quan nghiên cứu về giới, giới tính, giáo dục giới tính, đặc điểm học sinh THPT, một số vấn đề hiện có khi tổ chức hoạt động giáo dục giới tính để từ đó xác định giả thuyết nghiên cứu về thực trạng GDGT.

Phương pháp phân tích tài liệu bao gồm các giai đoạn như phân tích, tổng hợp, hệ thống hoá và khái quát hoá lý thuyết, các công trình nghiên cứu của các tác giả trong và ngoài nước đã được đăng tải trên các sách báo và tạp chí về các vấn đề liên quan đến GDGT cho học sinh THPT.

Dựa vào kết quả tổng hợp phần nghiên cứu lý luận để xác định nội dung nghiên cứu thực tiễn. Việc lựa chọn các yếu tố để khảo sát trong nghiên cứu thực tiễn dựa vào kết quả tổng hợp phần nghiên cứu lý luận.

2.1.2. Giai đoạn 2: Khảo sát chính thức

Đây là giai đoạn tìm hiểu thực trạng GDGT của học sinh THPT, từ đó đưa ra kết luận và đề xuất của nghiên cứu. Chúng tôi chọn mẫu nghiên cứu xuất phát từ những căn cứ sau:

- Xuất phát từ mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu của đề tài nhằm tìm hiểu thực trạng GDGT của học sinh THPT.

- Căn cứ vào đặc điểm của khách thể nghiên cứu là học sinh THPT, ở độ tuổi từ 16-18.

- Căn cứ vào thực trạng GDGT ở các trường THPT trên địa bàn TP. Đà Lạt

- Xuất phát từ những căn cứ trên, chúng tôi chọn mẫu để điều tra chính thức như sau:

- Địa bàn nghiên cứu: Thành phố Đà Lạt

- Khách thể nghiên cứu: Học sinh các trường: THPT Bùi Thị Xuân, THCS –

Trường	Số học sinh	Nam	Nữ	LGBTQ+

THPT Chi Lăng, THPT Chuyên Thăng Long, THPT Đống Đa, THPT Hermann Gmeiner, THCS – THPT Tây Sơn, THCS – THPT Tà Nung, THPT Yersin, THPT Trần Phú.

Số khách thể còn lại là: giáo viên của những trường THPT mà chúng tôi lựa chọn nghiên cứu. Những ý kiến của họ giúp cho kết quả nghiên cứu của chúng tôi có độ tin cậy và khách quan hơn. Cụ thể:

Nhóm khách thể giáo viên là những người tham gia công tác GDGT trong nhà trường, chúng tôi tiến hành khảo sát 42 giáo viên.

Cách thức tiến hành: Trong giai đoạn điều tra chính thức, chúng tôi tiến hành điều tra bằng bảng hỏi 309 học sinh THPT. Hình thức chúng tôi tiến hành là: gửi phiếu khảo sát online cho các em học sinh, hướng dẫn và tổng hợp lại các phiếu khảo sát đó.

Chúng tôi đã thực hiện khảo sát 309 học sinh của 9 trường THPT thuộc địa bàn thành phố Đà Lạt để phục vụ quá trình nghiên cứu, số lượng học sinh được thể hiện ở bảng sau:

Bảng 1. Số lượng học sinh tham gia khảo sát

THPT Bùi Thị Xuân	59	17	39	3
THCS – THPT Chi Lăng	21	8	13	0
THPT Chuyên Thăng Long	24	5	17	2
THPT Đống Đa	14	5	8	1
THPT Hermann Gmeiner	5	4	1	0
THCS – THPT Tây Sơn	8	6	2	0
THCS – THPT Tà Nung	20	7	12	1
THPT Yersin	4	4	0	0
THPT Trần Phú	154	52	90	12
Tổng	309	108	182	19

Ngoài ra, chúng tôi tiến hành gửi một số phiếu khảo sát cho các giáo viên giảng dạy tại các trường THPT trên địa bàn thành phố Đà Lạt. Yêu cầu của chúng tôi khi điều tra là người được trả lời bảng hỏi phải trong trạng thái tỉnh táo, vui vẻ, chấp nhận việc trả lời. Để thuận lợi và đảm bảo chính xác, khách quan cho việc điều tra, chúng tôi giới thiệu và hướng dẫn bảng hỏi sau đó dành cho người được hỏi có khoảng thời gian nhất định để trả lời.

Qua việc sử dụng phương pháp điều tra bằng bảng hỏi chúng tôi thu được những thông tin khách quan về khách thể nghiên cứu. Những phiếu điều tra thu được có tương đối đầy đủ những thông tin cần thiết được chúng tôi sử dụng làm dữ liệu chính phân tích và được trình bày trong đề tài.

Những dữ liệu thu được bằng những phương pháp nghiên cứu khác nhau được chúng tôi sử dụng phương pháp thống kê toán học để phân tích.

2.2. Kết quả khảo sát

2.2.1. Thực trạng giáo dục giới tính cho học sinh ở các trường THPT trên địa bàn thành phố Đà Lạt

- Tần suất tổ chức

a. Đánh giá từ phía học sinh

Để có thể nắm rõ hơn về những thời điểm mà hoạt động giáo dục giới tính ở trường của các học sinh được tổ chức, nhóm nghiên cứu chúng tôi đã bao gồm câu hỏi này trong bảng khảo sát và thu thập được số liệu từ câu trả lời của các em như sau:

Bảng 2. Thời điểm tổ chức hoạt động giáo dục giới tính

Thời gian	Số lượng học sinh	Phần trăm
Lớp 10	158	51,1%
Lớp 11	64	20,7%
Lớp 12	43	13,9%
Trường không tổ chức hoạt động giáo dục giới tính	140	45,3%

Kết quả khảo sát cho thấy: tần suất tổ chức hoạt động giáo dục giới tính nhìn chung vẫn còn thấp với 45,3% số học sinh được khảo sát cho rằng nhà trường không tổ chức hoạt động giáo dục giới tính nào trong suốt 3 năm học. Đây là một tỉ lệ phần trăm đáng quan ngại, vì việc thiếu đi chương trình giáo dục giới tính sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng đến sự phát triển hài hoà về mặt tâm sinh lý của các em học sinh, nhất là ở độ tuổi 15-18. Mặt khác, ở những trường THPT có tổ chức giảng dạy giáo dục giới tính, tỉ lệ phần trăm thu được cho thấy có sự giảm dần về tần suất tổ chức qua từng năm, cụ thể là 51,1% số học sinh được học vào năm lớp 10, 20,7% vào năm lớp 11 và 13,9% vào năm lớp 12. Phần lớn trường học chỉ tổ chức giáo dục giới tính vào một năm học, cụ thể là năm lớp 10 khi các em đang ở giai đoạn sớm nhất của độ tuổi dậy thì và rất cần được định hướng về mặt tính dục để hình thành nhân cách hoàn thiện và có nhận thức đúng đắn về những vấn đề liên quan đến sức khoẻ sinh sản. Điều này sẽ

giúp học sinh biết tôn trọng bản thân, tôn trọng bạn khác giới và xây dựng được những mối quan hệ lành mạnh trong suốt quá trình học tập của mình.

b. Đánh giá từ phía giáo viên

Khi được khảo sát về tần suất tổ chức các buổi giáo dục giới tính tại trường học, có đến 73,8% giáo viên lựa chọn "nhà trường chỉ giảng dạy 1-2 lần trong một năm học"; 19% chọn "nhiều hơn 2 lần trong một năm học" và 7,2% lựa chọn cho rằng nhà trường không tổ chức giảng dạy. Có thể thấy số lần tổ chức giảng dạy giáo dục giới tính vẫn còn thưa thớt và nhà trường chưa thật sự chú ý đến việc thường xuyên tổ chức các hoạt động này cho học sinh mặc dù đây là một trong những nội dung giảng dạy rất quan trọng và cần thiết cho sự phát triển tâm sinh lí hoàn thiện của các em.

- Chất lượng chương trình

a. Về nội dung

Bên cạnh tần suất tổ chức các hoạt động giáo dục giới tính, nhóm nghiên cứu cũng đã tiến hành thu thập đánh giá của học sinh về chất lượng nội dung chương trình giáo dục giới tính đang được giảng dạy ở nhà trường theo mức độ từ "rất thấp" đến "rất cao" ở các đề mục sau:

Bảng 3. Đánh giá của học sinh về chất lượng nội dung chương trình giáo dục giới tính

Đề mục	Rất thấp	Thấp	Trung bình	Cao	Rất cao
1. Mức độ gần gũi và tính ứng dụng	5,5%	12,5%	57,7%	22,1%	2,2%
2. Mức độ gây hứng thú trong quá trình tiếp thu kiến thức	5,8%	13,1%	53,2%	25,3%	2,6%
3. Khả năng giải đáp những thắc mắc khó nói trong độ tuổi dậy thì	6,4%	9,9%	55,8%	25,6%	2,2%

4. Khả năng cung cấp thông tin hữu ích và đáp ứng được nhu cầu của học sinh	4,2%	5,8%	54,5%	30,8%	4,8%
5. Mức độ quan tâm của nhà trường đối với những ý kiến và phản hồi từ phía học sinh trong việc xây dựng nội dung và tổ chức hoạt động giáo dục giới tính	4,5%	9,6%	55,8%	29,2%	3,5%

Kết quả thu được nhìn chung có sự tương đồng nhau ở mỗi đề mục với phần đông học sinh đều đánh giá "trung bình" và "cao". Một cách tổng quát, nội dung chương trình giáo dục giới tính ở nhà trường hiện nay đã bao gồm những kiến thức có tính thực tiễn ứng dụng và giúp các em giải đáp được những thắc mắc của mình về những vấn đề sức khoẻ giới tính và sinh sản. Tuy nhiên, nếu xét một cách cụ thể hơn, chúng ta có thể thấy:

+ Tổng tỉ lệ phần trăm học sinh lựa chọn "rất thấp" (5,8%) và "thấp" (13,1%) ở mục "mức độ gây hứng thú trong quá trình tiếp thu kiến thức" chiếm cao nhất. Điều này có thể giải thích được bởi nhiều lí do như: do nội dung giáo dục giới tính ở trường vẫn còn khá lí thuyết, cách truyền đạt kiến thức của thầy/cô chưa sinh động, lớp học giới tính không có nhiều hoạt động học tập thú vị, kết hợp với việc giáo dục giới tính vẫn mang tính chất là một hoạt động ngoài giờ nên nhiều em học sinh không cảm thấy quan tâm đến vấn đề này.

+ Bên cạnh đó, học sinh đánh giá khá cao "khả năng cung cấp thông tin hữu ích và đáp ứng được nhu cầu của học sinh" với tỉ lệ phần trăm lần lượt ở mức độ "cao" là 30,8% và "rất cao" là 4,8%. Mặc dù vẫn còn nhiều khiếm khuyết trong cách truyền tải kiến thức, song những nội dung mà nhà trường và thầy cô lựa chọn để giới thiệu đến các em vẫn phần nào hữu ích và giúp các em nắm được thế nào là tình dục an toàn, về cấu tạo sinh lý cơ thể, hay tình cảm bạn bè, tình yêu nam nữ nói chung, …

Về phía thầy/cô, chúng tôi cũng đã đưa ra những đề mục tương tự để thu thập ý kiến của họ về những vấn đề đề này. Kết quả thu được như sau:

Bảng 4. Đánh giá của thầy cô về chất lượng nội dung chương trình giáo dục giới tính

Đề mục	Rất không đồng ý và đồng ý	Phân vân	Đồng ý và rất đồng ý
1. Nội dung kiến thức của chương trình giáo dục giới tính hữu ích, đáp ứng đủ nhu cầu của học sinh.	14%	16%	70%
2. Nội dung kiến thức của chương trình giáo dục giới tính được truyền tải qua nhiều hình thức đa dạng, dễ liên hệ, có tính ứng dụng, thu hút sự quan tâm và chú ý của học sinh.	14%	27%	59%
3. Trường có tham khảo ý kiến, tiếp nhận phản hồi từ phía học sinh đối với việc xây dựng nội dung và tổ chức hoạt động giáo dục giới tính.	9%	26%	65%

Liên quan đến nội dung chương trình giảng dạy, cả 3 đề mục khảo sát đều nhận được trên 50% phản hồi tích cực cho thấy nội dung được đưa vào chương trình giáo dục giới tính đa số đều hữu ích và đáp ứng được nhu cầu học tập của các em học sinh. Tuy nhiên, tỷ lệ giáo viên phản hồi "phân vân" qua 3 nội dung trên vẫn ở mức trên dưới 20%, cho thấy sự hiểu biết và quan tâm đến chương trình giáo dục giới tính nơi thầy cô đang công tác chưa thực sự đầy đủ, hoặc do thầy cô vẫn còn nhiều yếu tố cần phải cân nhắc trước khi đi đến lập luận cuối cùng.

b. Về hình thức

Sau khi đã nắm được thông tin về nội dung chương trình giáo dục giới tính, tiếp đến, chúng tôi xem xét về những hình thức giáo dục giới tính mà học sinh đã được tiếp cận trên lớp, song song với đó là những hình thức giáo dục giới tính mà thầy cô đã sử dụng để truyền đạt nội dung giáo dục giới tính cho học sinh của mình. Kết quả thu được như sau:

+Về phía học sinh:

Bảng 5. Hình thức giáo dục giới tính học sinh được học

Hình thức sử dụng	Phần trăm học sinh
Thầy cô trò chuyện trực tiếp	34%
Thầy cô cung cấp kiến thức thông qua sách báo, Internet, ...	44,7%
Thầy cô giảng dạy thông qua hình ảnh, đồ dùng trực quan.	24,9%
Thầy cô xây dựng các tình huống cụ thể để học sinh cùng thảo luận các phương hướng giải quyết.	37,5%
Thầy cô phối hợp với phụ huynh học sinh để hoạt động giáo dục giới tính được thực hiện một cách hiệu quả và toàn diện	24,3%
Học sinh tự tìm hiểu một mình hoặc thông qua các mối quan hệ gia đình, bạn bè,...	6,7%

+Về phía giáo viên:

Bảng 6. Hình thức giáo dục giới tính thầy cô sử dụng

Hình thức sử dụng	Phần trăm giáo viên
Trò chuyện trực tiếp	64,3%
Cung cấp kiến thức thông qua sách báo, Internet, ...	73,8%
Giảng dạy thông qua hình ảnh, đồ dùng trực quan.	40,5%
Xây dựng các tình huống cụ thể để học sinh cùng thảo luận các phương hướng giải quyết.	69%
Phối hợp với phụ huynh học sinh để hoạt động giáo dục giới tính được thực hiện một cách hiệu quả và toàn diện	47,6%

Học sinh tìm hiểu về giới tính thông qua làm dự án hoặc kết hợp trong các tiết học bộ môn	2,4%
Thực hiện chuyên đề giáo dục nam riêng, nữ riêng	2,4%
Phối hợp với giáo viên chủ nhiệm	2,4%

Từ kết quả khảo sát cho thấy, có sự thống nhất và tương đồng giữa giáo viên và học sinh trong những hình thức giáo dục giới tính ở trường với ba hình thức chiếm tỉ lệ cao nhất từ cả hai phía giáo viên và học sinh lần lượt là: "cung cấp kiến thức qua sách báo, internet", "xây dựng các tình huống cụ thể để học sinh cùng thảo luận các phương hướng giải quyết" và "trò chuyện trực tiếp".

Điểm chung của ba hình thức này nằm ở việc, đây đều là những phương pháp được sử dụng phần lớn trong những tiết học truyền thống, nơi mà giáo viên sẽ là người chuẩn bị nội dung cho buổi học, sau đó giảng giải cho học sinh trên lớp trong khuôn khổ một tiết học, cuối cùng cho học sinh luyện tập bằng cách lồng ghép những tình huống ngoài đời để các em có thể liên hệ thực tế những kiến thức vừa được tiếp thu. Phương pháp này có những điểm mạnh riêng, như việc giáo viên có thể chủ động đảm bảo được lượng kiến thức truyền tải rõ ràng và mạch lạc theo như những gì mà họ đã chuẩn bị. Tuy nhiên, điểm trừ lớn nhất của phương pháp này là gây ra sự thụ động từ phía học sinh, khi mà những kiến thức liên quan đến giáo dục giới tính phần lớn đều khá mới mẻ và các em có thể được tiếp cận bằng những cách thú vị và khơi gợi hứng thú tìm hiểu nhiều hơn. Bên cạnh đó, chính số liệu này cũng đã phần nào khẳng định lại kết quả khảo sát khi học sinh đều đánh giá rất thấp và thấp cho mục "mức độ gây hứng thú trong quá trình tiếp thu kiến thức". Điều này cho thấy hình thức được sử dụng cho hoạt động giáo dục giới tính ở trường nên có sự điều chỉnh để trở nên thích hợp hơn.

- Khó khăn trong việc tổ chức hoạt động GDGT ở các trường THPT

Để có được cái nhìn tổng quan hơn về thực trạng dạy và học giáo dục giới tính ở các trường THPT, nhóm nghiên cứu đã khai thác những khó khăn mà việc tổ chức những hoạt động này đang gặp phải từ phía phản hồi của thầy cô giáo. Kết quả thu được thể hiện qua bảng sau:

Bảng 7. Khó khăn trong việc thực hiện hoạt động GDGT tại trường THPT

Nội dung vấn đề	Số người lựa chọn	Phần trăm
Thái độ không hứng thú của học sinh đối với chương trình giáo dục giới tính.	20	47,6
Sự ngần ngại của giáo viên khi đề cập đến vấn đề sức khỏe giới tính và sinh sản nói chung.	21	50
Vấn đề thiếu nhân lực hoặc thiếu giáo viên có kiến thức chuyên môn để giảng dạy.	33	78,6
Sự thiếu quan tâm của nhà trường.	6	14,3
Sự phản đối của phụ huynh học sinh.	5	11,9
Thiếu kinh phí để đầu tư giảng dạy.	12	28,6
Tôi không biết.	2	4,8
Không có yếu tố nào ảnh hưởng, trường học nơi tôi công tác đang giảng dạy GDGT rất hiệu quả.	7	16,7

Từ bảng số liệu thu thập được có thể thấy, những vấn đề nổi trội và làm giảm hiệu quả của hoạt động giáo dục giới tính theo ý kiến của thầy cô là:

+Vấn đề thiếu nhân lực hoặc thiếu giáo viên có kiến thức chuyên môn để giảng dạy (78,6%).

+Sự ngần ngại của giáo viên khi đề cập đến vấn đề sức khỏe giới tính và sinh sản nói chung (50%).

+Thái độ không hứng thú của học sinh đối với chương trình giáo dục giới tính (47,6%).

Ngoài ra còn có một số vấn đề nhỏ mà thầy cô đề cập tới như “thiếu kinh phí để đầu tư giảng dạy” (28,6%), “sự thiếu quan tâm của nhà trường” (14,3%), và “sự phản đối của phụ huynh học sinh” (11,9%).

Còn lại là những ý kiến không biết (4,8%) và "Không có yếu tố nào ảnh hưởng, trường học nơi tôi công tác đang giảng dạy GDGT rất hiệu quả" (16,7%).

Xem xét những số liệu trên, chúng tôi rút ra nhận định rằng việc khó khăn nhất khi thực hiện giáo dục giới tính tại trường THPT là do vấn đề thiếu nhân lực hay giáo viên có kiến thức chuyên môn để giảng dạy. Phần lớn giáo viên giảng dạy giáo dục giới tính là những thầy cô bộ môn Sinh học, GDCD... không thực sự được đào tạo bài bản để dạy giáo dục giới tính.

Ngoài ra, trong quá trình giảng dạy, thầy cô vẫn còn e ngại khi đề cập đến những vấn đề sức khỏe giới tính và sinh sản nói chung. Phong tục tập quán và văn hoá truyền thống của người dân Việt Nam xưa nay đều xem vấn đề giới tính, tình dục là một chuyện tế nhị, khó nói, dẫn đến việc giảng dạy giới tính vẫn còn gặp phải nhiều rào cản.

Thái độ thiếu hứng thú của các em học sinh cũng là một nguyên nhân đáng xem xét. Như đã được đề cập ở những mục khảo sát trước, vấn đề này xảy ra có thể do: (1) chương trình giáo dục giới tính vẫn chưa thật sự thu hút hay khơi gợi hứng thú tìm hiểu, học tập, (2) nội dung còn đơn điệu, rập khuôn, hay (3) do cách thức giảng dạy còn truyền thống và nhàm chán.

Một khó khăn cuối cùng tuy có tỉ lệ không cao nhưng tuyệt nhiên không thể bỏ qua đó chính là sự phản đối của phụ huynh học sinh trong việc tổ chức giảng dạy giáo dục giới tính. Một số người cho rằng bộ môn này là "vẽ đường cho hươu chạy", cho rằng giáo dục giới tính ở độ tuổi 15-18 là quá sớm hoặc thậm chí không cần thiết, không phù hợp với các em. Khó khăn này có thể trở thành nguyên nhân gián tiếp dẫn đến sự thờ ơ của học sinh cũng như sự ngần ngại trong việc phổ cập kiến thức của nhà trường nói chung và thầy cô nói riêng.

2.2.2. Kiến thức và thái độ của học sinh đối với các vấn đề liên quan đến giới tính:

Để có được cái nhìn tổng quan hơn về thực trạng giảng dạy giáo dục giới tính tại các trường, vấn đề quan trọng nhất cần nắm được chính là lượng kiến thức mà các em hiện đang có đến từ những nguồn thông tin nào và đang ở mức độ như thế nào. Nhóm nghiên cứu đã bao gồm những câu hỏi cụ thể để tìm hiểu về vấn đề này.

+ Kết quả từ khảo sát cho thấy phần lớn các em học sinh có được những thông tin và kiến thức liên quan đến giới tính thông qua Internet (chiếm 79,6%).

+ Có chưa đến 50% các em học sinh được tiếp nhận kiến thức giới tính thông qua chương trình giáo dục giới tính ở các trường trung học phổ thông. Phần đông học sinh còn lại tiếp nhận thông tin từ các nguồn khác như gia đình, bạn bè, hay sách, báo, truyện,...

+ Số lượng các em học sinh không có hứng thú tìm hiểu về giáo dục giới tính chiếm 9,1%.

Lượng thông tin tràn lan và không được xác thực trên Internet rõ ràng không phải là một nguồn đáng tin cậy để các em học sinh tìm hiểu kiến thức về các vấn đề giới tính. Do đó, việc cung cấp nền tảng tri thức khoa học về giới tính cho các em thông qua chương trình giáo dục giới tính ở trường trung học phổ thông là điều hết sức cần thiết và cần được chú trọng đầu tư hơn nữa. Bên cạnh đó, chương trình giáo dục giới tính cần được xây dựng xoay quanh những nội dung mang tính thiết thực, gần gũi và truyền tải qua nhiều hình thức đa dạng để dễ dàng thu hút sự quan tâm, chú ý của các em.

- Kiến thức của học sinh về các vấn đề liên quan đến giới tính

Để có thể đánh giá được sự hiệu quả của việc dạy và học giáo dục giới tính ở trường THPT và đưa ra được những biện pháp cụ thể để nâng cao chất lượng của những chương trình này, chúng ta cần phải đánh giá được mức độ hiểu biết và thái độ của học sinh đối với một số vấn đề liên quan đến giới tính. Nhóm chúng tôi đã thực hiện khảo sát và tổng hợp được những nội dung như sau:

a. Kiến thức về quan hệ tình dục an toàn

Quan hệ tình dục an toàn là một trong những chủ đề cơ bản của giáo dục giới tính. Vì thế, mức độ hiểu biết của học sinh về vấn đề này thể hiện phần nào kiến thức của các em hiện có của các em.

Bảng 8. Đánh giá kiến thức của học sinh về quan hệ tình dục an toàn

Nội dung vấn đề	Số người lựa chọn	Phần trăm %

1. Là hình thức quan hệ tình dục giúp hạn chế khả năng mang thai ngoài ý muốn	177	57,3
2. Là hình thức quan hệ tình dục không làm lây nhiễm các bệnh qua đường tình dục	183	59,2
3. Là hình thức quan hệ tình dục mà trong quá trình giao cấu với bạn tình, không có sự tiếp xúc cơ thể với máu, dịch tiết âm đạo và tinh dịch.	115	37,2%
4. Không có nhận định nào đúng	34	11%
5. Không có hiểu biết về quan hệ tình dục an toàn	40	12,9%

Các lựa chọn (1), (2) được phần đa các bạn học sinh lựa chọn (57,3%, 59,2%). Lựa chọn (3) có ít lượt lựa chọn hơn nhưng vẫn chiếm tỉ lệ cao (37,2%). Còn lựa chọn (4), (5), có tỷ lệ lựa chọn ít hơn cả (11%, 12,9%).

Từ những số liệu thống kê trên, nhóm nghiên cứu nắm được rằng đa số các em đã hiểu thế nào là quan hệ tình dục an toàn và có kiến thức cơ bản về vấn đề này. Tuy nhiên vẫn có một phần nhỏ các em chưa biết hay có những hiểu biết sai lệch. Điều này rất nghiêm trọng, vì những hiểu biết sai lệch này sẽ ảnh hưởng đến nhận thức hay những quyết định của học sinh khi đối mặt với những vấn đề liên quan đến sức khoẻ sinh sản. Thầy cô, nhà trường và gia đình cần đặc biệt quan tâm đến điều này và nỗ lực cải thiện để giảm thiểu tỉ lệ này xuống hết mức tối đa.

b. Kiến thức về các trường hợp mang thai ngoài ý muốn

Bảng 9. Đánh giá kiến thức của học sinh về vấn đề mang thai ngoài ý muốn

Nội dung vấn đề	**Số người lựa chọn**	**Phần trăm**

		%
1. Quan hệ lần đầu sẽ không mang thai	7	2,3%
2. Quan hệ tình dục dưới nước thì không thể có thai	9	2,9%
3. Các biện pháp tránh thai như: bao cao su, thuốc tránh thai, tính chu kỳ kinh nguyệt có hiệu quả an toàn tuyệt đối.	122	39,5%
4. Cần cân nhắc về khả năng có thai ngoài ý muốn trước khi quan hệ tình dục.	256	82,8%

Qua bảng thống kê, chúng ta có thể nhận thấy lựa chọn (4) chiếm tỷ lệ cao nhất (82,8%) thể hiện các em học sinh nhận thức rõ về vấn đề có thai ngoài ý muốn trước khi quan hệ tình dục.

Tuy nhiên, sự chủ quan của các em vẫn còn được thể hiện rõ khi có tới 39,5% học sinh tin rằng các biện pháp tránh thai có hiệu quả an toàn tuyệt đối.

Chỉ có một phần rất nhỏ các em là không biết hay hiểu sai về vấn đề này thể hiện qua tỷ lệ chọn câu (1) và (2) (2,3%, 2,9%).

- Thái độ của học sinh về các vấn đề liên quan đến giới tính

Bảng 10. Thái độ của học sinh về các vấn đề liên quan đến giới tính

Mức độ đồng thuận / Nội dung vấn đề	Rất không đồng ý	Không đồng ý	Phân vân	Đồng ý	Rất đồng ý
1. Cả nam giới lẫn nữ giới đều cần được trang bị những kiến thức về giới tính và sinh sản để bảo vệ bản thân cũng như đối phương trong một mối quan hệ.	4,2%	1%	5,2%	49,2%	40,71%
2. Xu hướng tình dục ngày nay của giới trẻ ngày càng thoáng và thoải mái, vì	19,23%	31,73%	25,64%	18,59%	4,81%

vậy bản thân học sinh cũng nên cởi mở hơn trong vấn đề quan hệ tình dục.					
3. Đối với học sinh THPT, quan hệ tình dục là chuyện hết sức bình thường.	30,45%	37,82%	21,47%	8,65%	1,6%
4. Không cần sử dụng các biện pháp bảo vệ khi quan hệ tình dục.	63,14%	22,44%	7,05%	4,81%	2,56%
5. Khi có thai ngoài ý muốn, có thể dễ dàng giải quyết vấn đề bằng cách nạo phá thai.	64,42%	19,87%	10,58%	4,49%	0,64%
6. Tình yêu và hôn nhân đồng giới là sai trái, không thể chấp nhận được. Chỉ có tình yêu giữa nam và nữ mới là bình thường, thuận theo tự nhiên.	52,24%	24,04%	15,06%	7,69%	0,96%
7. Không nên phân biệt đối xử với các bạn thuộc giới tính thứ ba.	7,69%	0,96%	10,26%	35,58%	45,51%

Về vấn đề "Quan hệ tình dục ở lứa tuổi học sinh THPT":

+ Thái độ của các em học sinh về chủ đề này được thể hiện qua câu (2), (3). Khi đề cập đến vấn đề học sinh THPT nên cởi mở hơn về vấn đề quan hệ tình dục, có đến hơn một nửa (50,96%) các em không đồng ý, trong đó có 19,23% các em lựa chọn "rất không đồng ý. Còn lại là 25,64% số học sinh còn phân vân và 23,4% (4,81% lựa chọn rất đồng ý) là đồng ý với vấn đề nêu trên.

+ Khi đề cập đến chuyện "Học sinh THPT quan hệ tình dục là việc hết sức bình thường", thì ý kiến của các em được thể hiện khá rõ ràng khi có tới 68,27% (30,45% rất không đồng ý) là không đồng ý. Còn lại là 10,25% đồng ý và 21,47% là phân vân.

Điều này cho thấy ý kiến của các em vấn đề "Quan hệ tình dục ở lứa tuổi học sinh THPT vẫn đang còn rải rác, phần lớn học sinh cho rằng nó là điều nên tránh. Tuy nhiên, số lượng học sinh coi điều này là chuyện bình thường vẫn còn khá đông, và còn một phần học sinh không có ý kiến rõ ràng.

Về vấn đề "Ý thức bảo vệ bản thân khi trong một mối quan hệ":

+ Ý kiến của các em về chủ đề này được thể hiện qua câu (1) và câu (4). Phần lớn các bạn học sinh đều có ý thức bảo vệ bản thân khi ở trong một mối quan hệ. Điều này thể hiện qua việc 89,75% các em đồng ý với việc học sinh nên trang bị những kiến thức cần thiết về giới tính và 85,58% không đồng ý với việc không cần sử dụng các biện pháp bảo vệ khi quan hệ tình dục.

Về vấn đề "Nạo phá thai" (thể hiện qua câu 5):

+ Ý kiến của các em cũng được thể hiện rõ khi 84,29% (64,42% rất không đồng ý) với việc nạo phá thai là cách giải quyết vấn đề mang thai ngoài ý muốn.

Về vấn đề "Giới tính thứ 3" (thể hiện qua câu 6,7):

+ Khi đánh giá thái độ của các em về chủ đề này, phần lớn các em đều có cái nhìn khá cởi mở với "giới tính thứ 3" khi 76,28% (52,24% rất không đồng ý) không đồng ý với việc tình yêu, hôn nhân đồng giới là sai trái và 81,09% (45,51% rất đồng ý) đồng ý với quan điểm không nên phân biệt đối xử đối với giới tính thứ 3

- Kết luận

Đa số các em học sinh đã có những kiến thức cơ bản về giáo dục giới tính, biết thể nào là quan hệ tình dục an toàn, biết rõ hậu quả khi quan hệ tình dục không an toàn.

Về thái độ của học sinh với một số vấn đề về giới tính, đại đa số các em đều có thái độ đúng đắn khi biết trang bị những kiến thức cơ bản về giới tính, biết nạo phá thai là không nên, biết đối xử công bằng với các bạn giới tính thứ ba, biết quan hệ tình dục ở độ tuổi này là không cần thiết.

Tuy nhiên, vẫn còn một bộ phận không nhỏ các em là chưa được trang bị đầy đủ kiến thức về giới tính, vẫn còn nhiều em chưa có thái độ đúng đắn dành cho các vấn đề nêu trên. Do đó, những hoạt động giáo dục giới tính ở trưởng kết hợp với giáo dục từ gia đình vẫn còn rất cần thiết đối với sự phát triển toàn diện của các em.

2.2.3. Nhu cầu tổ chức hoạt động giáo dục giới tính cho học sinh THPT trên địa bàn thành phố Đà Lạt

- Về phía học sinh

a. Về mặt tổ chức giảng dạy

Để xây dựng một chương trình giáo dục giới tính hoàn thiện và quan trọng hơn hết là phù hợp với đối tượng được giảng dạy, tức trẻ vị thành niên nói chung và học sinh THPT nói riêng, thì việc lắng nghe những ý kiến, tâm tư và nguyện vọng của các

em là điều tất yếu. Vì vậy, chúng tôi đã đưa ra những câu hỏi khảo sát nhằm tìm hiểu suy nghĩ của học sinh về việc tổ chức giáo dục giới tính trong nhà trường. Đối với câu hỏi đánh giá tầm quan trọng của giáo dục giới tính tại trường học, kết quả thu được khá khả quan với 43% học sinh cho rằng "rất cần thiết" và 35,6% lựa chọn "cần thiết". Điều này cho thấy các em có hứng thú, quan tâm và nhận thức được tầm quan trọng của giáo dục giới tính, đồng thời sẵn sàng tiếp nhận kiến thức thông qua chương trình giảng dạy của nhà trường.

Tuy nhiên, ngoài 12,6% học sinh không có ý kiến, vẫn còn tồn tại 8,7% các em chọn "rất không cần thiết" và "không cần thiết" do sự e dè, không quan tâm hay không muốn dành thời gian để tìm hiểu về những vấn đề này. Có khá nhiều nguyên nhân giải thích được sự thờ ơ của học sinh đối với chương trình giáo dục giới tính trong nhà trường, và một trong số đó là do sự dựa dẫm vào nền tảng Internet đang ngày một phát triển hiện nay. Để thỏa mãn sự tò mò của bản thân, các em học sinh chọn cách tra cứu thông tin trên mạng xã hội để tiếp nạp kiến thức. Tuy nhiên, cũng như việc học hỏi từ bạn bè, thông tin từ mạng xã hội tuy vô tận nhưng không phải mọi thông tin đều phù hợp và đúng đắn. Chính vì thế, những kiến thức giáo dục giới tính và sức khỏe sinh sản từ trường lớp, thầy cô, cha mẹ - với những nguồn thông tin chính thống và có định hướng – có vai trò vô cùng cấp thiết đối với sự phát triển của trẻ vị thành niên.

Nguyên nhân thứ hai chúng ta có thể đề cập đến để lý giải cho sự nhận thức chưa đúng đắn của các em về giáo dục giới tính là do các em cho rằng đây là chuyện rất tế nhị, rất xa và không thuộc "vùng quan tâm" của lứa tuổi. Tâm lý này ảnh hưởng từ bậc cha mẹ, những người tin rằng việc để các em học sinh tiếp cận với giáo dục giới tính từ độ tuổi vị thành niên sẽ dẫn đến quan hệ tình dục sớm hơn. Tuy nhiên, sự hiểu biết được định hướng của một cá nhân, đặc biệt ở độ tuổi vị thành niên, về giới tính và sức khỏe sinh sản sẽ là nền tảng vững chắc giúp họ có ý thức, nhận thức rõ ràng về những vấn đề liên quan đến giới tính, bao gồm cả trách nhiệm đối với bản thân và người khác khi quan hệ tình dục

b. Về mặt nội dung giảng dạy

Nhu cầu được tiếp cận với nguồn kiến thức về giới tính và sinh sản của các em học sinh trải dài ở nhiều nội dung đa dạng như: cấu tạo sinh lý cơ thể, cơ quan sinh dục; quá trình thụ thai; cách sử dụng các biện pháp phòng tránh thai; các bệnh lây

truyền qua đường tình dục; quyền bình đẳng nam nữ; quyền tự do về xu hướng tính dục; quan hệ tình cảm đôi lứa,... Trong đó, quyền bảo vệ thân thể được số lượng lớn học sinh lựa chọn là nội dung mà các em mong muốn được đưa vào chương trình giáo dục giới tính nhất (chiếm 78,3%). Trên thực tế, quyền bảo vệ thân thể chỉ là một nội dung nhỏ được nhắc đến ở môn Giáo dục công dân, trong khi đây là kiến thức quan trọng hàng đầu để đảm bảo trẻ vị thành niên có khả năng tự bảo vệ bản thân và phát triển một cách lành mạnh. Ngoài ra, việc hiểu được và có nhận thức tốt về quyền bình đẳng nam nữ, quan hệ tình cảm đôi lứa, ... sẽ giúp các em có những hành vi cư xử đúng đắn, phù hợp và xây dựng được những mối quan hệ tốt đẹp, lành mạnh với mọi người xung quanh. Tuy nhiên, các trường THPT vẫn còn rất nhiều thiếu sót trong việc trang bị nền tảng kiến thức đầy đủ, toàn diện về những vấn đề hết sức căn bản và cần thiết cho các em học sinh. Mặt hạn chế này nên được gấp rút xem xét, cân nhắc và cải thiện.

Tiếp đến, một số lượng lớn các em học sinh cũng có mong muốn được tăng cường các buổi ngoại khóa về giáo dục giới tính (chiếm 63,8%) và có nguyện vọng rằng ở lớp, các kiến thức về giới tính sẽ được truyền đạt bằng nhiều hình thức đa dạng như đóng kịch, xử lý tình huống, xem video, ...

Hơn 50% các em lựa chọn phương án nên đưa giáo dục giới tính vào chương trình chính khóa để nội dung giáo dục giới tính trở nên quy chuẩn hơn và được giảng dạy thường xuyên hơn. Kết quả này cho thấy các trường THPT hoàn toàn có thể xem xét, cân nhắc việc biến giáo dục giới tính thành một nội dung bắt buộc, và điều này hoàn toàn đáp ứng với tâm tư, nguyện vọng của học sinh.

Bên cạnh đó, các em học sinh cũng bày tỏ ý kiến hi vọng thầy cô có thể cởi mở hơn trong việc trao đổi các vấn đề liên quan đến giới tính (chiếm 59,9%). Qua số liệu này, chúng ta có thể hình dung được rằng thầy cô còn nhiều e ngại khi trao đổi các vấn đề nhạy cảm với học sinh do thiếu đào tạo chuyên môn cũng như các buổi tập huấn cho giáo viên về phương pháp giảng dạy giáo dục giới tính cho học sinh trung học phổ thông.

Ngoài ra, vẫn có một số học sinh cho rằng không nên tổ chức các buổi ngoại khóa về giáo dục giới tính vì các em cảm thấy e ngại với bạn bè cùng trang lứa (chiếm 5,8%). Nguyên nhân của thực trạng này đến từ tâm lý của các em, và việc đưa ra một biện pháp để giải quyết triệt để điều này rất khó khăn. Vì vậy, trước hết chúng ta cần

tác động vào những yếu tố cơ bản nhất như tạo nên một môi trường học tập thoải mái, cởi mở, không phán xét để giúp học sinh có thể dễ dàng chia sẻ những câu hỏi thắc mắc hay câu chuyện của bản thân để nhận được sự giúp đỡ và chia sẻ của giáo viên, bạn bè.

- Về phía giáo viên

Bên cạnh người học là những học sinh THPT, đối tượng thầy cô giáo là những người sẽ trực tiếp giảng dạy và quyết định chất lượng của một chương trình giáo dục giới tính thành công. Bởi thế, nhóm nghiên cứu đã khảo sát những nội dung mà giáo viên chọn đề cập đến trong nội dung giảng dạy. Kết quả thu được như sau:

Bảng 11. Nội dung nên được đề cập đến trong nội dung giảng dạy theo giáo viên

Nội dung	Số người lựa chọn	Phần trăm (%)
Cấu tạo sinh lý cơ thể, cơ quan sinh dục	29	69,0%
Quá trình thụ thai	24	57,1%
Cách sử dụng các biện pháp phòng tránh thai	35	83,3%
Những bệnh lây truyền qua đường tình dục	36	85,7%
Quyền bình đẳng nam nữ	24	57,1%
Quyền bảo vệ thân thể	38	90,5%
Quyền tự do về xu hướng tính dục	26	61,9%
Quan hệ tình cảm đôi lứa	35	83,3%

Với tỉ lệ lựa chọn đều trên 50% cho mỗi đề mục, từng nội dung đưa ra đều được thầy cô đánh giá là cần thiết để đưa vào chương trình giáo dục giới tính. Tương tự như kết quả khảo sát các em học sinh, quyền bảo vệ thân thể là nội dung quan trọng cần được nhấn mạnh trong hoạt động giáo dục giới tính; tiếp theo đó là các kiến thức về những bệnh lây truyền qua đường tình dục, cách sử dụng các biện pháp phòng tránh thai, quan hệ tình cảm đôi lứa.

Ở những kết quả khảo sát trước đây, chúng ta nhận thấy đối tượng học sinh có nhu cầu muốn tăng thời lượng giảng dạy giáo dục giới tính, đồng thời có thêm những biện pháp để cải thiện chất lượng chương trình hơn nữa về nhiều mặt. Vì vậy, chúng tôi đã tiến hành khảo sát đối tượng giáo viên về những ý kiến của họ để nâng cao hiệu quả hoạt động giáo dục giới tính. Các thầy cô cho rằng cần đặc biệt chú tâm đến việc phối hợp chặt chẽ hơn nữa cầu nối giữa giáo viên với phụ huynh học sinh, giữa nhà trường và gia đình trong hoạt động giáo dục giới tính cho các em. Bên cạnh đó, cần tích cực tiếp nhận những phản hồi, ý kiến đóng góp từ phía học sinh về chương trình giáo dục giới tính của nhà trường cũng như đa dạng hoá các hình thức giảng dạy giáo dục giới tính (tổ chức các cuộc thi, trò chơi, …).

2.3. Một số biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục giới tính cho học sinh trên địa bàn thành phố Đà Lạt.

Thông qua tất cả những kết quả thu được về thực trạng của việc giảng dạy giáo dục giới tính cho học sinh THPT trên địa bàn thành phố Đà Lạt, nhóm nghiên cứu đã có được cái nhìn tổng quan về chương trình giáo dục giới tính ở các trường, cùng với đó là những ý kiến, nhu cầu và nguyện vọng của cả hai đối tượng học sinh và giáo viên về một chương trình giáo dục giới tính phù hợp hơn, hiệu quả hơn. Việc đưa ra được những biện pháp thiết thực và xác đáng để góp phần cải thiện nội dung giáo dục giới tính là một thử thách không đơn giản và đòi hỏi rất nhiều sự cân nhắc để lựa chọn được những biện pháp phù hợp nhất với đối tượng học sinh THPT trên địa bàn thành phố Đà Lạt. Vì thế, trước hết, nhóm nghiên cứu đã thực hiện tham khảo một số biện pháp được đề ra bởi những tác giả, nhà nghiên cứu nước ngoài để làm phong phú, củng cố, cũng như giúp cho những biện pháp sau cùng đưa ra được khách quan và chính xác hơn.

Đầu tiên, trong bài nghiên cứu về giáo dục giới tính của mình, tác giả Gabin Gahn đã đề ra một số biện pháp phù hợp để nâng cao chất lượng việc tổ chức chương trình giáo dục giới tính cho các em là:

- Phối hợp với Bộ giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế để đảm bảo chương trình giáo dục giới tính được trở thành một phần trong chương trình đào tạo học sinh mỗi năm từ bậc tiểu học đến trung học phổ thông trước khi các em đến tuổi dậy thì.

- Triển khai chương trình giáo dục giới tính thông qua một trong những cách sau: áp dụng từng khóa học riêng lẻ; lồng ghép các chủ đề vào những môn học chính; mời các chuyên gia giáo dục đến trường để thảo luận về những vấn đề liên quan đến giới tính và giúp học sinh tiếp cận trung tâm sức khỏe cộng đồng; hoặc giới thiệu về những vấn đề liên quan đến chương trình giáo dục giới tính, sức khỏe sinh sản thông qua những chương trình phòng chống HIV/AIDS.

- Lắng nghe và thấu hiểu những lo lắng và nhu cầu của vị thành niên (có sự khác biệt qua từng độ tuổi và giới tính) thông qua tin nhắn hoặc những hoạt động có thể đáp ứng được nhu cầu của từng nhóm lứa tuổi.

- Đảm bảo các em hiểu và tham gia đủ các hoạt động, bao gồm thiết kế, áp dụng và đánh giá chương trình giáo dục giới tính để đảm bảo được sự chấp thuận và tính hữu ích của chương trình. Bên cạnh đó, tùy theo nhu cầu cụ thể của các em nữ sinh mà chúng ta cần đầu tư thêm.

- Cung cấp kiến thức giáo dục giới tính bằng nhiều phương thức, bao gồm thông qua bạn bè cùng trang lứa, thể thao, sự phát triển cộng đồng… với mục đích truyền đạt thông tin về tuổi thanh thiếu niên, giới tính, sự phát triển con người, phương pháp tham gia, quy trình quản lý dự án, …

- Hợp tác chặt chẽ với giáo viên, phụ huynh, chuyên gia y tế, cộng đồng và các chức sắc tôn giáo để chương trình giáo dục giới tính được chấp nhận.

- Huy động sự tham gia và hỗ trợ của các ban ngành và xây dựng mạng lưới hiện có.

Ví dụ: Hội thanh niên hoặc Hội phụ nữ, nhà thờ, các nhóm học tập, ... Nghiên cứu thành lập mạng lưới đa ngành để mở rộng chương trình giáo dục của nhà trường và vượt qua khoảng cách của giáo dục chính quy và không chính quy.

- Cung cấp và phối hợp với các chương trình giáo dục cộng đồng không chính quy để tiếp cận các em không theo học tại nhà trường.

Bên cạnh đó, theo UNESCO, giải pháp giúp việc giáo dục giới tính trở nên thuận lợi hơn khi được tổ chức tại nhà trường là:

- Đưa những người có kiến thức, kinh nghiệm về vấn đề này như các chuyên gia về giới tính, tâm lí hành vi và giáo dục tham gia vào việc phát triển, chọn lọc, bổ trợ và chỉnh sửa chương trình giáo dục giới tính.

- Để học sinh, phụ huynh, gia đình chủ động trong việc sắp xếp, định hướng, hỗ trợ và phát triển nội dung của hoạt động giáo dục giới tính. Điều này giúp cho giáo dục giới tính được dựa trên nhu cầu thực tế của học sinh thay vì chỉ đi theo lối mòn mà các nhà giáo dục đưa ra.

- Sử dụng các hình thức dạy học giúp cho học sinh dễ dàng tiếp nhận và xử lý thông tin như: nhập vai, câu hỏi ẩn danh, các buổi diễn thuyết, làm việc nhóm.

- Tập trung vào mục tiêu, kết quả và những kiến thức cốt lõi để quyết định nội dung, cách tiếp cận và các hoạt động giáo dục.

- Tạo ra một môi trường học tập đáng tin cậy, riêng tư và an toàn cho học sinh. Để đạt được điều này, các thầy cô phải được tập huấn khả năng trả lời bất kỳ câu hỏi khó hoặc thắc mắc của học sinh. Ngoài ra, học sinh nên được phân chia thành các lớp, nhóm nhỏ để dễ dàng thảo luận và chia sẻ ý kiến. Các trường học cũng nên hợp tác với chính quyền địa phương để hỗ trợ và giúp đỡ những em học sinh gặp những vấn đề liên quan giới tính.

- Định hướng giáo dục giới tính theo hình thức nhiều thành phần: kết hợp hoạt động giáo dục giới tính ở trường với các hoạt động ngoại khoá, hoạt động cộng đồng hay liên kết với các cơ sở y tế để học sinh được trải nghiệm, phát triển mặt xã hội của bản thân.

Những biện pháp được đề xuất trên đã bao quát đa số các khía cạnh của việc cải thiện một chương trình giáo dục giới tính, tuy nhiên do tính chất được đề ra bởi những tác giả, nhà nghiên cứu cũng như những tổ chức nước ngoài vậy nên độ phù hợp với đối tượng là học sinh THPT ở Việt Nam nói chung và ở Đà Lạt nói riêng vẫn còn chưa thực sự cao. Nhóm nghiên cứu đã cân nhắc về bất cập này để tránh việc đưa ra những giải pháp không hợp lí. Tiếp đến, chúng tôi đã dựa trên thực trạng cũng như những nghiên cứu, khảo sát thu thập được từ học sinh và giáo viên để để đề xuất những biện pháp hợp lí và hiệu quả trong bối cảnh dạy và học giáo dục giới tính ở môi trường thành phố Đà Lạt. 6 biện pháp cuối cùng mà nhóm nghiên cứu muốn đưa ra là:

1, Đa dạng hóa các hình thức giảng dạy giáo dục giới tính: tổ chức các cuộc thi tìm hiểu về kiến thức liên quan đến giới tính, cuộc thi đóng kịch, đề ra những tình huống để chính các em là người giải quyết. Điều này sẽ giúp các em chủ động và tự tin hơn khi gặp phải những tình huống tương tự trong tương lai.

2, Xây dựng "Kênh tư vấn tâm sinh lý tuổi mới lớn" điều hành bởi thầy cô giáo phối hợp Đoàn trường, giúp các em được giải đáp những thắc mắc không biết hỏi ai và làm giảm sự e ngại khi nhắc đến các vấn đề tế nhị.

3, Tiếp nhận góp ý, phản hồi của các em học sinh sau mỗi buổi giảng dạy kiến thức liên quan đến giới tính, đồng thời lắng nghe nguyện vọng về chủ đề các em muốn tìm hiểu để tổ chức hoạt động giáo dục có định hướng, đầu tư và có định hướng cụ thể hơn.

4, Tăng cường hoạt động tập huấn về giảng dạy giáo dục giới tính cho giáo viên. Khi người giảng dạy nguồn kiến thức có thể trả lời và tư vấn bất kì câu hỏi nào cho các em, học sinh sẽ tin tưởng thầy cô và sẵn sàng cởi mở hơn, tạo một môi trường lành mạnh, hứng thú và tích cực cho các em học sinh hơn.

5, Phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường và gia đình, giữa thầy cô giáo và phụ huynh học sinh, cùng sự hỗ trợ của tổ chức y tế để sát sao, giáo dục học sinh một cách hiệu quả nhất.

6, Lồng ghép các chủ đề giới tính vào một số môn học xã hội nhằm giúp học sinh có cơ hội được thể hiện chính kiến, suy nghĩ cá nhân, giúp các em tiếp thu nguồn tri thức thông qua từng bước tiếp cận.

PHẦN KẾT LUẬN

Nhìn chung, các em học sinh THPT đã nhận thức được tầm quan trọng của hoạt động GDGT đối với quá trình phát triển về mặt tâm sinh lý, sức khỏe thể chất và sức khỏe tinh thần của mỗi cá nhân. Tuy nhiên, nguồn thông tin các em tìm đến và tiếp nhận kiến thức chủ yếu là từ Internet- nơi có chứa vô vàn dữ liệu không được xác thực, không đáng tin cậy, không phù hợp với lứa tuổi và đầy rẫy những thông điệp chủ quan, sai lệch chuẩn mực xã hội. Nhà trường cần có trách nhiệm trong việc cung cấp cho các em nền tảng kiến thức khoa học về các vấn đề liên quan đến giới tính để các em hiểu rõ hơn về bản thân, các mối quan hệ xã hội; có cách hành xử đúng đắn và đưa ra những quyết định, lựa chọn sáng suốt trong quá trình trưởng thành của mình. Giữ vai trò trọng yếu là thế nhưng trong thực trạng hiện nay, các trường THPT tổ chức hoạt động GDGT cho các em học sinh với tần suất rất thấp- chỉ một đến hai lần trong một năm học, thậm chí còn có trường không tổ chức. Kết quả khảo sát thể hiện rõ tỉ lệ học sinh có nguyện vọng gia tăng thời lượng các buổi ngoại khóa về giáo dục giới tính, đưa hoạt động giáo dục giới tính vào chương trình chính khóa và đa dạng hóa các hình thức giáo dục giới tính là rất cao; qua đó cho thấy hoạt động giáo dục giới tính cần được quan tâm đúng mức để có thể đáp ứng nhu cầu của các em. Hơn nữa, nội dung của chương trình cần được mở rộng, bao hàm nhiều kiến thức cần thiết khác như quyền bảo vệ thân thể, quyền bình đẳng nam nữ, những bệnh lây truyền qua đường tình dục, cách sử dụng các biện pháp tránh thai,... Trong đó, cần thực sự chú trọng việc cung cấp thông tin cho các em một cách chi tiết và xác thực vì vẫn còn một bộ phận học sinh có các quan điểm sai lầm như việc các em cho rằng các biện pháp tránh thai có hiệu quả an toàn tuyệt đối, không cần sử dụng các biện pháp bảo vệ khi quan hệ tình dục, khi có thai ngoài ý muốn thì có thể giải quyết bằng cách phá thai, tình yêu và hôn nhân đồng giới là sai trái,... Ngoài ra, cần để tâm đến việc đào tạo nghiệp vụ và kỹ năng cho đội ngũ giáo viên, cán bộ chuyên môn để có thể xây dựng cho các em một môi trường học tập cởi mở với nội dung kiến thức hữu ích, có tính ứng dụng, được truyền đạt qua nhiều hình thức học tập phong phú, thu hút được sự quan tâm, chú ý của học sinh. Thêm vào đó, nhà trường cần tích cực tham khảo ý kiến, tiếp nhận phản hồi từ phía học sinh để nắm bắt kịp thời nhu cầu của các em, đánh giá được hiệu quả

của hoạt động GDGT hiện hành và ngày càng nâng cao chất lượng cả về nội dung lẫn hình thức của chương trình.

Có thể thấy rằng còn nhiều bất cập trong việc tổ chức và xây dựng chương trình GDGT cho học sinh THPT, điển hình là vấn đề thiếu nhân lực, đội ngũ giáo viên chuyên môn để giảng dạy; sự ngần ngại của giáo viên khi đề cập đến vấn đề sức khỏe giới tính và sinh sản nói chung; thái độ không hứng thú của học sinh; thiếu kinh phí đầu tư cho hoạt động giáo dục giới tính; sự quá tải về nội dung kiến thức các môn học ở trường,... Dù vậy, hoạt động GDGT giữ vai trò hết sức quan trọng trong việc giúp các em học sinh trưởng thành một cách lành mạnh, tránh được những hậu quả không đáng có để lại tổn hại nặng nề đến sức khỏe thể chất và tinh thần của các em; qua đó tạo cơ hội và thúc đẩy trẻ vị thành niên trở thành những người công dân có sức khỏe tốt, trí tuệ thông thái để đóng góp vào công cuộc xây dựng đất nước ngày càng giàu đẹp. Do đó, việc tổ chức chương trình GDGT cho học sinh THPT là hết sức cấp thiết và cần được chú trọng quan tâm, đầu tư đúng mức để nhà trường THPT có thể đạt được các mục tiêu lâu dài trong việc giáo dục mỗi cá nhân nói riêng và đào tạo các thế hệ trẻ cho tương lai nói chung.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

[1] Bùi Ngọc Oánh (2003), *Về vấn đề giáo dục giới tính,* Nghiên cứu Con người Số 2(5), tr.52-54.

[2] Bùi Ngọc Oánh (2008), *Tâm lí học giới tính và giáo dục giới tính*, NXB Giáo dục.

[3] Đoàn Kim Thắng (2002), *Nhu cầu GDGT và SKSS của học sinh phổ thông trung học: Nghiên cứu trường hợp tại bốn trường nội thành Hà Nội*, Xã hội học số 4, tr.59-70.

[4] Huỳnh Sơn (2001), *Nhận thức và thái độ của học sinh PTTH đối với một số nội dung giáo dục giới tính*, Tâm lý học Số 5, tr.24-28.

[5] Minh Túy (2007), *Giáo dục giới tính cho trẻ vị thành niên nông thôn, cần một sự quan tâm đúng mức*, Tạp chí Dạy và học ngày nay Số 12, tr.49-50.

[6] Nguyễn Bích Ngọc (1990), *Báo cáo khoa học tại đề án P09,* Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam.

[7] Nguyễn Hữu Dũng (1999). *Giáo dục giới tính*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

[8] Nguyễn Thị Anh Khuyên (2015), *Tìm hiểu về giáo dục giới tính và vai trò của bố mẹ trong việc giáo dục giới tính cho trẻ*, Tạp chí dạy và học ngày nay số 11, tr. 61-62.

[9] Nguyễn Thị Xuyến (2016), *Giáo dục giới tính cho học sinh bậc trung học cơ sở hiện nay*, Tạp chí dạy và học ngày nay Số 5, tr. 38-39.

Tiếng Anh

[10] Christine Panchaud, Sarah C. Keogh, Melissa Stillman, Kofi AwusaboAsare, Angélica Motta, Estelle Sidze & Ana Silvia Monzón (2018), *Towards comprehensive sexuality education: a comparative analysis of the policy environment surrounding school-based sexuality education in Ghana, Peru, Kenya and Guatemala*, Sex Education, DOI: 10.1080/14681811.2018.1533460.

[11] Deevia Bhana, Mary Crewe & Peter Aggleton (2019), *Sex, sexuality and education in South Africa*, Sex Education, 19:4, 361-370, DOI: 10.1080/14681811.2019.1620008.

[12] Doortje Braeken MA & Melissa Cardinal MSc, BSc (2008), *Comprehensive Sexuality Education as a Means of Promoting Sexual Health*, International Journal of Sexual Health.

[13] Donatus O. Owuamanam (1987), *Introducing Sex Education in the Formal Education System in Nigeria*, Journal of Moral Education, 16:1, 54-59, DOI: 10.1080/0305724870160106.

[14] Emmanuel Mayeza & Louise Vincent (2019), *Learners' perspectives on Life Orientation sexuality education in South Africa*, Sex Education.

European Expert Group on Sexuality Education (2015), *Sexuality education – what is it?*, Sex Education, DOI: 10.1080/14681811.2015.1100599.

[15] Evans D. (1993), *Sexual citizenship: The material construction of sexualities.* London: Routledge.

[16] Gabi Gahn (2002), *School-based Sexuality Education, In: Hands On! A Manual for Working with Youth on SRH, GTZ,* 101-109.

[17] Jan Milton (2003) Primary School Sex Education Programs: Views and experiences of teachers in four primary schools in Sydney, Australia, Sex Education, 3:3, 241-256, DOI: 10.1080/1468181032000119122.

[18] Larsson, M., Eurenius, K., Westerling, R., & Tydén, T. (2006), *Evaluation of a sexual education intervention among Swedish high school students*, Scandinavian Journal of Public Health, 34(2), 124–131. DOI:10.1080/14034940510032266.

[19] Lucke (2019), *Australian students' experiences of sexuality education at school*, Sex Education.

[20] Margareta Larsson, Karin Eurenius, Ragnar Westerling and Tanja Tydén (2006), *Evaluation of a sexual education intervention among Swedish high school students*, Scandinavian Journal of Public Health.

[21] Paulina Ezer, Lucille Kerr, Christopher M. Fisher, Wendy Heywood & Jayne (2014) *Fact sheets questions and answers: Sexuality education,* SIECUS

[22] Sanyulandy Leowalu & Jacqueline Hendriks (2021), *Perspectives of Ecuadorean teachers and students on the importance of addressing comprehensive sexuality education*

[23] Samuel Eyedime Kafewo (2008), *Using Drama for School-Based Adolescent Sexuality Education in Zaria, Nigeria.*

[24] SIECUS (1991), *National Guidelines Taskforce.*

[25] UNESCO (2018), *International Technical Guidance on Sexuality Education: An Evidence-Informed Approach*, Revised ed. Paris, France: UNESCO.

[26] WHO Regional Office for Europe and BZgA (2010), *Standards for Sexuality Education in Europe: A Framework for Policy Makers, Education and Health Authorities and Specialists*, Köln: BZgA.

Trang web

[27]https://dantri.com.vn/xa-hoi/tphcm-thu-nghiem-giao-duc-gioi-tinh-trong-truong-pho-thong-1114483086.htm

[28]https://giadinh.net.vn/mang-thai-o-tuoi-vi-thanh-nien-va-nhung-con-so-giat-minh-172190830155401992.htm

[29]https://www.who.int/health-topics/gender

PHỤ LỤC

Phụ lục 1. Phiếu khảo sát học sinh.

Thân chào các bạn học sinh,

Chúng tôi là nhóm sinh viên đến từ khoa Sư Phạm, Trường Đại học Đà Lạt. Hiện nay, nhóm chúng mình đang tiến hành nghiên cứu về đề tài "Thực trạng giáo dục giới tính ở các trường THPT trên địa bàn thành phố Đà Lạt." Nhằm thu thập ý kiến để phục vụ cho việc nghiên cứu khoa học, mong các bạn dành thời gian hoàn thành phiếu khảo sát dưới đây. Những thông tin mà các bạn cung cấp sẽ là nguồn tài liệu quý giá đối với đề tài. Chúng tôi xin cam kết mọi thông tin mà các bạn cung cấp chỉ để phục vụ cho việc nghiên cứu khoa học và sẽ không chia sẻ dưới bất kì hình thức nào.

Xin chân thành cảm ơn các bạn!

I. Thông tin nhân khẩu học

Họ và tên học sinh: …….

Tuổi: ……

Lớp: …….

Trường: ……...

II. Nội dung phiếu khảo sát

1. Giới tính của bạn là?

☐ Nam

☐ Nữ

☐ LGBTQ+

2. Bạn có được những thông tin và kiến thức liên quan đến vấn đề giới tính từ:

☐ Chương trình giáo dục giới tính ở trường

☐ Bạn bè

☐ Gia đình

☐ Internet

☐ Sách, báo, truyện

☐ Nguồn khác:

.....

.....

.....

3. Chương trình giáo dục giới tính được giảng dạy vào những thời điểm nào ở trường học của bạn?

☐ Lớp 10

☐ Lớp 11

☐ Lớp 12

☐ Trường không tổ chức hoạt động giáo dục giới tính

4. Theo bạn, việc tổ chức chương trình giáo dục giới tính ở trường THPT là:

☐ Rất không cần thiết

☐ Không cần thiết

☐ Cần thiết

☐ Rất cần thiết

☐ Không có ý kiến

5. Hình thức giáo dục giới tính mà bạn đã được tiếp cận:

☐ Thầy/Cô trò chuyện trực tiếp

☐ Thầy/Cô cung cấp kiến thức thông qua sách báo, Internet

☐ Thầy/Cô giảng dạy thông qua hình ảnh, đồ dùng trực quan

☐ Thầy/Cô xây dựng các tình huống cụ thể để học sinh cùng thảo luận các phương hướng giải quyết

☐ Thầy/Cô phối hợp với phụ huynh học sinh để hoạt động giáo dục giới tính được thực hiện một cách hiệu quả và toàn diện

☐ Hình thức khác:

.....

.....

.....

6. Đánh giá của các bạn về chương trình giáo dục giới tính của nhà trường?

	Rất thấp	Thấp	Trung bình	Cao	Rất cao
6.1.Mức độ gần gũi và tính ứng dụng	◯	◯	◯	◯	◯

6.2.Mức độ gây hứng thú cho bạn trong quá trình tiếp thu kiến thức	◯	◯	◯	◯	◯
6.3.Khả năng giải đáp những thắc mắc khó nói cho bạn trong độ tuổi dậy thì	◯	◯	◯	◯	◯
6.4.Khả năng cung cấp thông tin hữu ích và đáp ứng được nhu cầu của học sinh	◯	◯	◯	◯	◯
6.5. Kiến thức chuyên môn về các vấn đề liên quan đến giới tính của thầy/cô phụ trách giáo dục giới tính ở trường.	◯	◯	◯	◯	◯
6.6. Mức độ quan tâm của nhà trường đối với những ý kiến và phản hồi từ phía học sinh trong	◯	◯	◯	◯	◯

việc xây dựng nội dung và tổ chức hoạt động giáo dục giới tính.					

7. Hãy cho biết mức độ đồng thuận của bạn với những nhận định sau:

	Rất không đồng ý	Không đồng ý	Phân vân	Đồng ý	Rất đồng ý
7.1. Cả nam giới lẫn nữ giới đều cần được trang bị những kiến thức về giới tính và sinh sản để bảo vệ bản thân cũng như đối phương trong một mối quan hệ.	◯	◯	◯	◯	◯
7.2. Xu hướng tình dục ngày nay của giới trẻ ngày càng thoáng và thoải mái, vì vậy bản thân học sinh cũng nên cởi mở hơn trong vấn đề quan hệ tình dục.	◯	◯	◯	◯	◯
7.3. Đối với học	◯	◯	◯	◯	◯

sinh THPT, quan hệ tình dục là chuyện hết sức bình thường.					
7.4. Không cần sử dụng các biện pháp bảo vệ khi quan hệ tình dục.	◯	◯	◯	◯	◯
7.5. Khi có thai ngoài ý muốn, có thể dễ dàng giải quyết vấn đề bằng cách nạo phá thai.	◯	◯	◯	◯	◯
7.6. Tình yêu và hôn nhân đồng giới là sai trái, không thể chấp nhận được. Chỉ có tình yêu giữa nam và nữ mới là bình thường, thuận theo tự nhiên.	◯	◯	◯	◯	◯
7.7. Không nên phân biệt đối xử với các bạn thuộc giới tính thứ ba.	◯	◯	◯	◯	◯

8. Thế nào là quan hệ tình dục an toàn?

☐ Là hình thức quan hệ tình dục giúp hạn chế khả năng mang thai ngoài ý muốn

☐ Là hình thức quan hệ tình dục không làm lây nhiễm các bệnh qua đường tình dục

☐ Là hình thức quan hệ tình dục mà trong quá trình giao cấu với bạn tình, không có sự tiếp xúc cơ thể với máu, dịch tiết âm đạo và tinh dịch.

☐ Không có nhận định nào đúng

☐ Không có hiểu biết về quan hệ tình dục an toàn

9. Nhận định nào sau đây là đúng?

☐ Quan hệ lần đầu sẽ không mang thai

☐ Quan hệ tình dục dưới nước thì không thể có thai.

☐ Các biện pháp tránh thai như: bao cao su, thuốc tránh thai, tính chu kì kinh nguyệt có hiệu quả an toàn tuyệt đối.

☐ Cần cân nhắc về khả năng có thai ngoài ý muốn trước khi quan hệ tình dục.

10. Đề xuất của bạn trong việc cải thiện chương trình giáo dục giới tính?

☐ Nên đưa giáo dục giới tính vào chương trình chính khóa để học sinh được học kiến thức về giới tính có quy mô hơn.

☐ Nên tăng cường các buổi ngoại khóa về giáo dục giới tính để học sinh có nhiều kiến thức về các vấn đề liên quan đến giới tính hơn.

☐ Không nên tổ chức các buổi ngoại khóa về giáo dục giới tính vì học sinh có thể cảm thấy e ngại với bạn bè cùng trang lứa.

☐ Có các buổi ngoại khóa mà kiến thức về giới tính được truyền đạt bằng nhiều hình thức đa dạng như: đóng kịch, xử lý tình huống, xem video,...

☐ Thầy cô cởi mở hơn trong việc trao đổi về các vấn đề liên quan đến giới tính với học sinh.

11. Theo bạn, những nội dung nào nên được đưa vào chương trình giáo dục giới tính?

☐ Cấu tạo sinh lý cơ thể, cơ quan sinh dục

☐ Quá trình thụ thai

☐ Cách sử dụng các biện pháp phòng tránh thai (bao cao su, thuốc tránh thai,

vòng tránh thai, que tránh thai,...)

☐ Những bệnh lây truyền qua đường tình dục, HIV/AIDS

☐ Quyền bình đẳng nam nữ

☐ Quyền bảo vệ thân thể

☐ Quyền tự do về xu hướng tính dục

☐ Quan hệ tình cảm đôi lứa

Phụ lục 2. Phiếu khảo sát giáo viên

PHIẾU KHẢO SÁT DÀNH CHO GIÁO VIÊN

Kính chào quý thầy/cô,

Chúng em là nhóm sinh viên đến từ khoa Sư Phạm, Trường Đại học Đà Lạt. Hiện nay, nhóm chúng em đang tiến hành nghiên cứu về đề tài "Thực trạng giáo dục giới tính ở các trường THPT trên địa bàn thành phố Đà Lạt." Nhằm thu thập ý kiến để phục vụ cho việc nghiên cứu khoa học, chúng em hi vọng quý thầy/cô dành ít thời gian hoàn thành phiếu khảo sát dưới đây. Những thông tin mà quý thầy/cô cung cấp sẽ là nguồn tài liệu quý giá đối với đề tài. Chúng em xin cam kết mọi thông tin mà quý thầy/cô cung cấp chỉ để phục vụ cho việc nghiên cứu khoa học và sẽ không chia sẻ dưới bất kì hình thức nào.

Chúng em xin chân thành cảm ơn quý thầy/cô.

I. Thông tin nhân khẩu học

1. Họ và tên quý thầy/cô:……
2. Nơi công tác:……..

II. Thông tin phiếu khảo sát

1. Mức độ đồng thuận của thầy/cô đối với những nhận định sau:

	Rất không đồng ý	Không đồng ý	Phân vân	Đồng ý	Rất đồng ý
1.1. Việc tổ chức chương trình giáo dục giới tính là cần thiết cho học sinh THPT.	◯	◯	◯	◯	◯
1.2. Nhà trường có tổ chức chương trình giáo dục giới tính cho học sinh THPT.	◯	◯	◯	◯	◯
1.3. Học sinh tích cực tham gia chương trình giáo dục giới tính do nhà trường tổ chức.	◯	◯	◯	◯	◯
1.4. Nội dung kiến thức của chương trình giáo dục giới tính hữu ích, đáp ứng đủ nhu cầu của học sinh.	◯	◯	◯	◯	◯
1.5. Nội dung	◯	◯	◯	◯	◯

kiến thức của chương trình giáo dục giới tính được truyền tải qua nhiều hình thức đa dạng, dễ liên hệ, có tính ứng dụng, thu hút sự quan tâm và chú ý của học sinh.					
1.6. Người phụ trách giảng dạy các nội dung giáo dục giới tính có chuyên môn cao, nền tảng kiến thức vững chắc trong các vấn đề liên quan đến giới tính.	◯	◯	◯	◯	◯
1.7. Người phụ trách giảng dạy các nội dung giáo dục giới tính tạo được không gian mở, môi trường không phán xét để giúp học sinh có thể dễ dàng	◯	◯	◯	◯	◯

chia sẻ những câu chuyện hay thắc mắc của bản thân.					
1.8. Trường có tham khảo ý kiến, tiếp nhận phản hồi từ phía học sinh đối với việc xây dựng nội dung và tổ chức hoạt động giáo dục giới tính.	◯	◯	◯	◯	◯

2. Tần suất tổ chức hoạt động giáo dục giới tính cho học sinh tại trường thầy/cô đang công tác:

☐ Không tổ chức giảng dạy

☐ Chỉ giảng dạy 1-2 lần trong một năm học

☐ Nhiều hơn 2 lần trong một năm học

3. Những hình thức thầy/cô sử dụng để giáo dục giới tính cho học sinh là gì?

☐ Trò chuyện trực tiếp

☐ Cung cấp kiến thức thông qua sách báo, Internet

☐ Giảng dạy thông qua hình ảnh, đồ dùng trực quan

☐ Xây dựng các tình huống cụ thể để học sinh cùng thảo luận các phương hướng giải quyết

☐ Phối hợp với phụ huynh học sinh để hoạt động giáo dục giới tính được thực hiện một cách hiệu quả và toàn diện

☐ Hình thức khác:

.....

.....

.....

.....

4. Theo thầy/cô, những yếu tố nào đang gây khó khăn trong việc giảng dạy giáo dục giới tính ở trường THPT?

☐ Thái độ không hứng thú của học sinh đối với chương trình giáo dục giới tính

☐ Sự ngần ngại của giáo viên khi đề cập đến vấn đề sức khỏe giới tính và sinh sản nói chung

☐ Vấn đề thiếu nhân lực hoặc thiếu giáo viên có kiến thức chuyên môn để giảng dạy

☐ Sự thiếu quan tâm của nhà trường

☐ Sự phản đối của phụ huynh học sinh

☐ Thiếu kinh phí để đầu tư giảng dạy

☐ Tôi không biết

☐ Không có yếu tố nào ảnh hưởng, trường học nơi tôi công tác đang giảng dạy GDGT rất hiệu quả

☐ Ý kiến khác

Nếu thầy/cô có ý kiến khác, xin vui lòng trình bày ý kiến tại đây:

.....

.....

.....

.....

.....

5. Theo thầy/cô, những nội dung nào nên được đưa vào chương trình giáo dục giới tính?

☐ Cấu tạo sinh lý cơ thể, cơ quan sinh dục

☐ Quá trình thụ thai

☐ Cách sử dụng các biện pháp phòng tránh thai (bao cao su, thuốc tránh thai, vòng tránh thai, que tránh thai,...)

☐ Những bệnh lây truyền qua đường tình dục, HIV/AIDS

☐ Quyền bình đẳng nam nữ

☐ Quyền bảo vệ thân thể

☐ Quyền tự do về xu hướng tính dục

☐ Quan hệ tình cảm đôi lứa

6. Ý kiến đề xuất của thầy/cô trong việc nâng cao hiệu quả của hoạt động giáo dục giới tính cho học sinh THPT?

☐ Tăng thời lượng các tiết giáo dục giới tính cho học sinh THPT trong nhà trường

☐ Tăng cường các lớp tập huấn cho giáo viên về hoạt động giáo dục giới tính

☐ Tích cực tiếp nhận những phản hồi, ý kiến đóng góp từ phía học sinh về chương trình giáo dục giới tính của nhà trường

☐ Đa dạng hoá các hình thức giảng dạy giáo dục giới tính (tổ chức các cuộc thi, trò chơi,…)

☐ Phối hợp chặt chẽ hơn nữa cầu nối giữa giáo viên với phụ huynh học sinh, giữa nhà trường và gia đình trong hoạt động giáo dục giới tính cho các em.

☐ Ý kiến khác:

.....

.....

.....